BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16 /2010/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2010*

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/04/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 44/2009/QĐ-TTg ngày 26/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay của Việt Nam có hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ngoài liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng tại các cảng hàng không, sân bay của Việt Nam.

Điều 3. Định nghĩa, thuật ngữ, chữ viết tắt

1. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam: là Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006.

2. Mã hiệu sân bay (Aerodrome Reference Code): là mã chuẩn sân bay theo các tiêu chí được quy định tại mục 1.7 Phụ lục 14 của Công ước Chicago, gồm 2 thành phần:

a) Thành phần 1: "Mã số" từ 1 đến 4 được xác định căn cứ vào giá trị chiều dài đường cất hạ cánh chuẩn sử dụng cho tàu bay dùng đường cất hạ cánh đó.

b) Thành phần 2: "Mã chữ" từ A đến F được xác định căn cứ vào chiều dài sải cánh tàu bay và khoảng cách giữa mép ngoài của các bánh ngoài của hai càng chính tàu bay.

3. Điểm quy chiếu sân bay (Aerodrome Reference Point): là điểm đánh dấu vị trí địa lý của sân bay.

4. Kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay (Airport Infrastructure): bao gồm hệ thống đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ, lề, dải bảo hiểm và các công trình, khu phụ trợ khác của sân bay; hàng rào, đường giao thông nội cảng hàng không, sân bay; nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, kho hàng hoá; đài kiểm soát không lưu và các cơ sở đài, trạm phục vụ hoạt động bay khác; hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không; hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp và thoát nước; hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay; hệ thống chiếu sáng.

5. Khu bay (Airfield): là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.

6. Sân đỗ tàu bay (Apron): là khu vực được xác định trong sân bay dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; xếp, dỡ hành lý, thư, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hoá; tiếp nhiên liệu; cung ứng suất ăn; phục vụ kỹ thuật hoặc bảo dưỡng tàu bay.

7. Đường cất hạ cánh (Runway): là một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại khu bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh. Đường cất hạ cánh còn được gọi là đường băng.

8. Chiều dài đường cất hạ cánh chuẩn sử dụng cho tàu bay (Aeroplane Reference Field Length): là chiều dài đường cất hạ cánh tối thiểu cần thiết cho

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tàu bay cất cánh với tải trọng cất cánh tối đa ở độ cao mực nước biển, điều kiện khí quyển tiêu chuẩn, lặng gió và độ dốc đường cất hạ cánh bằng không, như ghi trong sổ tay bay của tàu bay được người có thẩm quyền chứng nhận hoặc các số liệu tương đương do nhà sản xuất tàu bay cung cấp.

9. Vị trí chờ đường cất hạ cánh (Runway - holding position): là vị trí được lựa chọn trên đường cất hạ cánh, đường lăn hoặc khu vực ILS/MLS tới hạn mà ở đó tàu bay và phương tiện đang vận hành phải dừng lại chờ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu cho phép lăn tiếp, nhằm mục đích đảm bảo an toàn khai thác cho đường cất hạ cánh, không ảnh hưởng đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật (OLS).

10.Chỉ số phân cấp mặt đường (Pavement Classification Number - PCN): là chỉ số biểu thị khả năng chịu lực của mặt đường khi tàu bay hoạt động không hạn chế trên nó.

11. Chỉ số phân cấp tàu bay (Aircraft Classification Number - ACN): là chỉ số biểu thị tác động tương đối của tàu bay lên mặt đường tương ứng với một cấp nền đường tiêu chuẩn.

12. Lề đường (Shoulder): là khu vực tiếp giáp với mép mặt đường được chuẩn bị tốt nhằm đảm bảo chuyển tiếp êm thuận giữa mặt đường và bề mặt tiếp giáp.

13. Khu vực an toàn tại vị trí đỗ tàu bay (Aircraft Safety Area on the Parking): là khu vực hạn chế nằm trong ranh giới có đường kẻ màu đỏ xung quanh khu vực đỗ của tàu bay.

14. Chướng ngại vật hàng không (Obstacle): là tất cả những vật thể tự nhiên hoặc nhân tạo (cố định hoặc di động) có thể ảnh hưởng đến bảo đảm an toàn cho hoạt động bay hoặc hoạt động bình thường của các đài, trạm thông tin, ra đa dẫn đường hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời.

15. Sân bay chuyên dùng (Specialized Aerodrome): là sân bay chỉ phục vụ mục đích khai thác hàng không chung hoặc mục đích vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện, thư mà không phải vận chuyển công cộng.

16. Doanh nghiệp cảng hàng không: là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện tổ chức khai thác cảng hàng không, sân bay.

17. Người khai thác cảng hàng không, sân bay: là tổ chức được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

18. AIP (Aeronautical Information Publication): Tập thông báo tin tức hàng không.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

19. ASDA (Accelerate - Stop Distance Available): Cự ly có thể dừng khẩn cấp.

20. IATA: (International Air Transport Association): Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.

21. ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.

22. ILS (Instrument Landing System): Hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.

23. MLS (Microwave Landing System): Hệ thống hạ cánh bằng sóng ngắn.

24. ISO (International Organization for Standardization): Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế.

25. LDA (Landing Distance Available): Cự ly có thể hạ cánh.

26. LUX: Đơn vị đo độ rọi của ánh sáng.

27. NOTAM (Notice To Airmen): Điện văn thông báo tin tức hàng không.

28. OLS (Obstacle Limitation Surface): Bề mặt giới hạn chướng ngại vật.

29. TODA (Take - Off Distance Available): Cự ly có thể cất cánh.

30. TORA (Take - Off Run Available): Cự ly chạy đà cất cánh.

31. WGS (World Geodetic System): Hệ thống đo đạc toàn cầu.

Chương II

QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 4. Tổ chức lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

Căn cứ vào chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển giao thông vận tải và các quy hoạch liên quan khác; nhiệm vụ an ninh quốc phòng; xu thế phát triển hàng không dân dụng quốc tế; quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, xây dựng, đấu thầu, Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Điều 56 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 5. Nội dung quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay

1. Quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay bao gồm các nội dung sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a) Quy hoạch vị trí, mặt bằng chi tiết các công trình của cảng hàng không, sân bay;

b) Quy hoạch các công trình kỹ thuật: giới hạn phát triển không gian, giới hạn tĩnh không, tiếng ồn; diện tích, mật độ xây dựng; hệ số sử dụng, tầng cao; vị trí, quy mô công trình ngầm;

c) Quy hoạch hệ thống sân đường: vị trí, quy mô các hạng mục công trình khu bay; các tọa độ, độ cao khống chế; các mặt cắt điển hình;

d) Quy hoạch hệ thống quản lý và điều hành bay;

đ) Quy hoạch khu vực xây dựng trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động tại cảng hàng không, sân bay; khu vực xây dựng các công trình cung cấp dịch vụ hàng không, dịch vụ phi hàng không;

e) Quy hoạch hệ thống giao thông: xác định lưu lượng, mật độ, cấp đường; tổ chức giao thông mạng lưới chính; các tuyến và công trình giao thông nội cảng, tuyến đường kết nối với đường giao thông công cộng; cao độ khống chế các đầu mối, các mặt cắt ngang điển hình;

g) Quy hoạch hệ thống cấp, thoát nước: cấp nước chung; cấp nước chữa cháy; cấp nước cho tàu bay; thoát nước mặt (các chỉ tiêu tính toán, các hướng thoát nước; các loại công trình thoát nước, công trình điều tiết; các cao độ khống chế chính); thoát nước thải (nguồn nước thải, thành phần nước thải; biện pháp xử lý nước thải);

h) Quy hoạch cấp điện: xác định nhu cầu cấp điện, chỉ tiêu quy hoạch, cấp hạng; xác định nguồn điện, mạng lưới trạm và đường cáp trục chính; hệ thống bảo đảm an toàn cấp điện, cấp bảo đảm và quản lý điều hành; quy mô, vị trí các hạng mục công trình chính;

i) Quy hoạch hệ thống bảo đảm nhiên liệu: xác định nhu cầu, chỉ tiêu quy hoạch, cấp hạng; quy mô, vị trí các hạng mục công trình chính;

k) Quy hoạch hệ thống khẩn nguy, cứu nạn: chỉ tiêu tiêu chuẩn, yêu cầu, cấp hạng khẩn nguy, cứu nạn; các thành phần công trình chính, quy mô và vị trí;

l) Quy hoạch không gian, bao gồm tại khu vực sân bay và tiếp cận: đường ra, vào; vùng chờ tạm thời, sơ đồ tiếp cận;

m) Quy hoạch chi tiết nhà ga: xác định vị trí, quy mô nhà ga; khu phục vụ kỹ thuật; sân đỗ ôtô; tuyến đường kết nối với đường giao thông công cộng;

n) Quy hoạch sử dụng đất đai: nhu cầu sử dụng đất đai; lập ranh giới, chỉ giới quy hoạch mặt bằng, không gian khu vực;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

o) Xác định nhu cầu vốn đầu tư xây dựng, phân kỳ xây dựng: phân kỳ thực hiện đảm bảo xây dựng từng giai đoạn một cách đồng bộ; tổng khái toán đầu tư và phân kỳ xây dựng;

2. Nội dung quy hoạch chi tiết sân bay chuyên dùng bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này, trừ nội dung nêu tại các điểm đ, e và m khoản 1 của Điều này.

3. Bản đồ quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay được xây dựng theo tỉ lệ như sau:

a) Khu vực do hàng không dân dụng quản lý: tỉ lệ 1/500;

b) Khu vực dùng chung dân dụng và quân sự: tỉ lệ 1/2000 hoặc tỉ lệ nhỏ hơn, tuỳ vào quy mô của từng cảng hàng không, sân bay.

Điều 6. Quản lý đất đai cảng hàng không, sân bay

1. Căn cứ vào quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về đất đai, quy hoạch của cảng hàng không, sân bay đã được phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức việc quản lý đất đai cảng hàng không, sân bay.

2. Phân loại đất phục vụ cho hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay:

a) Đất xây dựng các hạng mục thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay sau đây: hệ thống đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và các công trình, khu phụ trợ của sân bay; hàng rào, đường giao thông nội cảng hàng không, sân bay; hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp và thoát nước; hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay; hệ thống chiếu sáng; đất bảo hiểm trong sân bay được giao cho doanh nghiệp cảng hàng không sử dụng.

b) Đất xây dựng nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay được giao cho doanh nghiệp cảng hàng không thuê sử dụng.

c) Đất xây dựng đài kiểm soát không lưu, công trình, khu phụ trợ của đài được giao cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay sử dụng.

d) Đất xây dựng các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác được giao cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay thuê sử dụng.

đ) Đất xây dựng trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay được giao cho cơ quan quản lý nhà nước tương ứng sử dụng.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

e) Đất xây dựng cơ sở, công trình cung cấp dịch vụ hàng không, ngoài trường hợp nêu tại các điểm a, b, c, d và đ của khoản này được giao cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không thuê sử dụng.

g) Đất xây dựng khách sạn, nhà hàng và các công trình cung cấp dịch vụ phi hàng không khác được giao cho doanh nghiệp cảng hàng không, tổ chức và cá nhân thuê sử dụng.

3. Đối với sân bay chuyên dùng, chủ sở hữu sân bay quyết định việc sử dụng đất đai của sân bay theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo cảng hàng không, sân bay; việc cho thuê đất, giá cho thuê đất, thu và sử dụng tiền cho thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo việc lập, quyết định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất chi tiết cảng hàng không, sân bay; việc quản lý sử dụng đất, quản lý khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

b) Phê duyệt việc giao đất, cho thuê đất, việc bán, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê tại cảng hàng không, sân bay;

c) Quyết định việc thu hồi đất theo quy định; triển khai thủ tục thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được phê duyệt.

6. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm:

a) Nhận bàn giao đất từ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp cảng hàng không lập kế hoạch sử dụng đất chi tiết, trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; triển khai việc giao đất, cho thuê đất theo kế hoạch đã được phê duyệt; thu tiền thuê đất và nộp cho ngân sách tỉnh qua Cục thuế địa phương theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Thực hiện quản lý đất cảng hàng không, sân bay theo quy định; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết các vấn đề tranh chấp quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đã được phê duyệt;

đ) Ban hành quyết định giao đất, ký hợp đồng cho thuê đất;

e) Triển khai thủ tục thu hồi đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao, cho thuê đất cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm quản lý, xây dựng, khai thác, sử dụng đất theo quy định của pháp luật, theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

8. Cảng vụ hàng không nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch sử dụng đất chi tiết trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị, trong đó giải trình rõ kế hoạch sử dụng đất chi tiết;

b) Bản sao trích lục bản đồ khu vực đất đề nghị phê duyệt;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thẩm định kế hoạch sử dụng đất chi tiết được đề nghị, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu cần), ban hành quyết định phê duyệt hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

9. Tổ chức, cá nhân đề nghị Cảng vụ hàng không giao đất, cho thuê đất nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cảng vụ hàng không, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị giao đất, cho thuê đất, bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất; mục đích sử dụng, diện tích đất; thời gian dự kiến sử dụng đất;

b) Bản sao chứng thực các giấy tờ sau: quyết định thành lập đối với các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước; giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đối với doanh nghiệp cảng hàng không; giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay;

c) Phương án và kế hoạch sử dụng đất;

d) Bản sao dự án đầu tư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đ) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận bằng văn bản. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam ban hành văn bản chấp thuận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối chấp thuận cho Cảng vụ hàng không. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định giao đất, ký hợp đồng cho thuê đất với tổ chức, cá nhân thuê đất. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định giao đất, ký hợp đồng cho thuê đất, Cảng vụ hàng không tiến hành bàn giao đất.

Đối với khu vực liên quan đến việc sử dụng chung cho hoạt động hàng không dân dụng và quân sự, việc giao lại đất và cho thuê đất phải có sự đồng ý của Bộ Quốc phòng.

Thủ tục gia hạn cho thuê đất được thực hiện theo quy định về thủ tục cho thuê đất.

10. Tổ chức, cá nhân thuê đất có nhu cầu thế chấp, bảo lãnh tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đề nghị; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí của tài sản gắn liền với đất thuê;

b) Bản sao chứng thực hợp đồng thuê đất;

c) Hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng bảo lãnh;

d) Trích lục bản đồ địa chính.

đ) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tài sản, xem xét chấp thuận việc thế chấp, bảo lãnh hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối chấp thuận. Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh chỉ có hiệu lực sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

11. Tổ chức, cá nhân thuê đất có nhu cầu bán, cho thuê, góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a) Tài liệu nêu tại các điểm a, b, c, d khoản 10 Điều này;

b) Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không phù hợp của tổ chức, cá nhân nhận mua, nhận thuê tài sản, nhận góp vốn tài sản đó;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tài sản, xem xét chấp thuận việc bán, cho thuê tài sản, góp vốn hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối chấp thuận. Hợp đồng bán, cho thuê, góp vốn chỉ có hiệu lực sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Cục Hàng không Việt Nam.

Chương III
QUẢN LÝ, KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 7. Quy định chung đối với việc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Cảng hàng không, sân bay được khai thác theo tiêu chuẩn của ICAO, quy định của Thông tư này, tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở do Cục Hàng không Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng trong ngành hàng không dân dụng.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch, đầu tư, khai thác cảng hàng không, sân bay; công bố cấp sân bay; phối hợp với Quân chủng Phòng không-Không quân và các đơn vị quân sự liên quan trong việc quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng sân bay dùng chung quân sự và dân dụng;

b) Tổ chức thực hiện việc giám sát khai thác cảng hàng không, sân bay; kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay; thực hiện các biện pháp ngăn chặn tức thì, yêu cầu thực hiện các biện pháp khắc phục, phòng ngừa đối với các hành vi uy hiếp an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay; chỉ định giám sát viên để thực hiện việc giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức quản lý khai thác đài chỉ huy sân bay và các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác tại cảng hàng không cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay; giao nhiệm vụ sân bay dự bị cho cảng hàng không, sân bay theo quy định;

d) Hướng dẫn, chỉ đạo việc thiết lập và thực hiện hệ thống quản lý an toàn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

khai thác cảng hàng không, sân bay; hệ thống bảo vệ, bảo đảm chất lượng số liệu hàng không của cảng hàng không, sân bay trong quá trình thông báo, truyền dữ liệu;

đ) Chỉ đạo việc thực hiện ứng phó, xử lý sự cố khai thác cảng hàng không, sân bay, công tác khắc phục hậu quả, biện pháp phòng ngừa;

e) Chỉ đạo thực hiện việc nối mạng dữ liệu, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay.

3. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không, được Cục Hàng không Việt Nam cấp thẻ giám sát viên để thực hiện nhiệm vụ của mình. Người được cấp thẻ giám sát viên phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đã tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành kỹ thuật, xây dựng hoặc pháp luật;

b) Có tối thiểu 5 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Có khả năng thành thạo tiếng Anh (đọc, hiểu, nói và nghe);

d) Có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện về pháp luật hàng không dân dụng, tiêu chuẩn khai thác cảng hàng không, sân bay, công tác giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay do Cục Hàng không Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện cấp.

4. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay có các quyền hạn sau đây:

a) Tiến hành giám sát, kiểm định, kiểm tra, giám định, điều tra, kiểm chứng đối với các hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của Thông tư này;

b) Tiếp cận vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ khu vực nào có hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, hoạt động cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay để thực hiện công tác giám sát; khi thực hiện nhiệm vụ trên đường cất hạ cánh, đường lăn phải tuyệt đối tuân thủ quy định tại khoản 9 Điều 22 của Thông tư này;

c) Yêu cầu bất kỳ người nào đưa ra các tài liệu hoặc vật chứng có liên quan đến sự cố mất an toàn hàng không hoặc phục vụ điều tra vụ việc vi phạm quy định của Thông tư này;

d) Kiểm tra và sao chép các giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, nhật ký kỹ thuật, tài liệu hoặc hồ sơ liên quan đến việc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của Thông tư này;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đ) Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ, hoạt động của nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay nhằm phòng ngừa, ngăn chặn khả năng uy hiếp an toàn hàng không, gây cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay, phục vụ điều tra sự cố; lập biên bản về vụ việc, sự cố xảy ra đồng thời báo cáo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam.

5. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay và giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 9. Thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, (theo mẫu tại phụ lục 4);

b) Bản sao chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của chủ đầu tư là tổ chức; bản sao chứng thực chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu của chủ đầu tư là cá nhân;

c) Bản sao chứng thực quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay;

d) Bản sao tài liệu, biên bản nghiệm thu kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay có dấu xác nhận của chủ đầu tư;

đ) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Tài liệu nêu tại các điểm a, b và c khoản 3 của Điều này;

b) Bản sao chứng thực dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp giấy phép xây dựng.

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 10. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, bao gồm các nội dung sau:

a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;

c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thẩm định xong, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo mẫu tại phụ lục 1 của Thông tư này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

3. Sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định tại Điều 50 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

4. Việc đăng ký cảng hàng không, sân bay có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Hàng không Việt Nam ghi vào sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

5. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, có nêu rõ lý do;

b) Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

6. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay có giá trị cho đến khi bị thu hồi trong trường hợp cảng hàng không, sân bay không còn được quy hoạch hoặc thực hiện chức năng là cảng hàng không, sân bay.

Điều 11. Lập và quản lý sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lập, ghi chép, cập nhật thông tin, quản lý sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

2. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay được lập dưới dạng sổ giấy và sổ điện tử.

3. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay ghi các thông tin liên quan đến đăng ký cảng hàng không, sân bay; đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay, bao gồm các thông tin sau đây:

a) Ngày vào sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay đối với từng loại đăng ký;

b) Giấy chứng nhận đã cấp với từng loại đăng ký: số, ngày cấp;

c) Tên, địa chỉ của chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Tên cảng hàng không, sân bay;

đ) Vị trí, tọa độ cảng hàng không, sân bay;

e) Cấp sân bay;

g) Mục đích khai thác;

h) Năng lực khai thác.

Điều 12. Sửa đổi nội dung trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Việc sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay phải được thực hiện trong trường hợp nội dung quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h khoản 3 Điều 11 của Thông tư này có thay đổi.

2. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải thường xuyên cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không,

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

3. Hồ sơ đề nghị sửa đổi nội dung trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay (theo mẫu tại phụ lục 4);

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi;

c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đã cấp;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

4. Cục Hàng không Việt Nam thẩm định sửa đổi nội dung trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối sửa đổi. Thủ tục thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 của Thông tư này.

Điều 13. Thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay, bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay (theo mẫu tại phụ lục 4);

b) Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Tài liệu hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 14. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, bao gồm các nội dung sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a) Tổ chức, trang bị, thiết bị, các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không;

b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn kỹ thuật cảng hàng không, sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay được ban hành, Phụ lục 14 của Công ước Chicago và tài liệu hướng dẫn khai thác của IATA.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thẩm định xong, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo mẫu tại phụ lục 2 của Thông tư này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

3. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay phải được sửa đổi bổ sung trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi, chuyển đổi người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Thay đổi mục đích, năng lực khai thác cảng hàng không, sân bay, cấp sân bay.

Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định tại Điều 13; khoản 1, 2 Điều 14 của Thông tư này.

4. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, có nêu rõ lý do;

b) Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đã được cấp, trừ trường hợp mất;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

5. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay có giá trị cho đến khi bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 15. Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm các nội dung sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a) Mục đích, căn cứ xây dựng, điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người khai thác cảng hàng không;

c) Thông tin chung về cảng hàng không, sân bay, bao gồm các sơ đồ về vị trí, mặt bằng tổng thể, phân khu chức năng, hệ thống thiết bị; tên, vị trí, tọa độ, độ cao so với mực nước biển và địa thế của sân bay, độ cao so với mực nước biển của ngưỡng đường cất hạ cánh; chi tiết về đài dẫn đường tại sân bay; tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Thông tin về kích thước của cảng hàng không, sân bay và các khu vực của sân bay như đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ; vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất; toạ độ và cao độ của vị trí kiểm tra độ cao trước chuyến bay; phương án di chuyển tàu bay bị hư hỏng trong khu vực hoạt động; bản vẽ mặt bằng các khu vực sân bay;

đ) Quy trình khai thác, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cảng hàng không, sân bay; kế hoạch khẩn nguy sân bay;

e) Hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt;

b) Nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

Điều 16. Công bố cảng hàng không quốc tế

1. Căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt, điều kiện của kết cấu hạ tầng cảng hàng không đáp ứng việc khai thác cảng hàng không, sân bay cho chuyến bay quốc tế, nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của vùng, địa phương, Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc công bố cảng hàng không là cảng hàng không quốc tế; cảng hàng không nội địa được phép tiếp nhận chuyến bay quốc tế.

2. Nội dung công bố bao gồm:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a) Tên cảng hàng không;

b) Địa điểm;

c) Vai trò, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc;

d) Tính chất sử dụng.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức công bố cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa được phép tiếp nhận chuyến bay quốc tế; thực hiện công bố trên hệ thống thông tin hàng không và thông báo cho các cơ quan liên quan về quyết định công bố cảng hàng không quốc tế.

Điều 17. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Duy trì các điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định.

2. Lập và cập nhật thông tin thay đổi về điều kiện khai thác của cảng hàng không, sân bay vào tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam định kỳ 3 tháng một lần hoặc theo yêu cầu về:

a) Tình hình khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Những thay đổi về điều kiện, năng lực khai thác của cảng hàng không, sân bay.

Điều 18. Hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm về điều phối chung, bảo đảm an toàn, liên tục, đồng bộ đối với hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay; bảo đảm đầy đủ số lượng nhân lực đáp ứng về trình độ kỹ thuật để bảo đảm hoạt động khai thác bình thường của cảng hàng không, sân bay; thực hiện công tác quản lý chướng ngại vật hàng không tại cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay theo quy định.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải thiết lập và triển khai thực hiện hệ thống quản lý an toàn (SMS) cảng hàng không, sân bay, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Mục tiêu và chính sách an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý an toàn; cơ cấu tổ chức của hệ thống quản lý an toàn tại cảng hàng không, sân bay;

c) Biện pháp bảo đảm an toàn; quản lý nguy cơ rủi ro an toàn; hệ thống báo cáo về công tác an toàn;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Tăng cường công tác an toàn; công tác huấn luyện đào tạo, đào tạo lại về an toàn.

3. Hoạt động của mọi tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ theo hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay đã được phê duyệt.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành quy tắc, tổ chức phổ biến và giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn hàng không tại cảng hàng không, sân bay; phát hiện các vụ việc vi phạm và chuyển giao cho Cảng vụ hàng không xử lý theo quy định.

5. Cảng vụ hàng không kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay.

Điều 19. Báo cáo sự cố khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Các loại sự cố xảy ra tại cảng hàng không, sân bay phải được báo cáo bao gồm:

a) Sự cố chết người, bị thương;

b) Sự cố mất an toàn trong việc cung cấp dịch vụ hàng không; sự cố dẫn đến việc cung cấp dịch vụ hàng không không thể thực hiện được;

c) Sự cố uy hiếp hoạt động của hệ thống bảo đảm an ninh; xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp; hành khách gây rối, làm mất an ninh trật tự;

d) Xảy ra trộm cắp hành lý, hàng hoá;

đ) Sự cố, tai nạn tàu bay;

e) Hủy chuyến; chậm chuyến kéo dài quá 1 tiếng trở lên vì lý do an toàn hàng không, an ninh hàng không;

g) Sự cố cháy, nổ, khói; sự cố mất an toàn liên quan đến kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay;

h) Sự cố làm ô nhiễm môi trường;

2. Người khai thác cảng hàng không báo cáo ngay cho trực ban Cảng vụ hàng không bằng các phương tiện thông tin như điện thoại hoặc bộ đàm.

3. Trong vòng 24 giờ sau khi sự cố xảy ra, Cảng vụ hàng không báo cáo Cục Hàng không Việt Nam qua điện thoại, bằng văn bản các nội dung sau:

a) Vị trí, khu vực xảy ra sự cố; nội dung sự cố;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Thời gian xảy ra sự cố; nguyên nhân gây ra sự cố;

c) Đánh giá sơ bộ mức độ ảnh hưởng đến hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

d) Phương án và biện pháp khắc phục;

đ) Đề xuất và kiến nghị.

Điều 20. Văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự

1. Doanh nghiệp cảng hàng không phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đơn vị quân đội trong khu vực cảng hàng không, sân bay xây dựng văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự, bao gồm các nội dung sau:

a) Phân định kết cấu hạ tầng do từng bên quản lý khai thác; quản lý, khai thác khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự; trách nhiệm của Cảng vụ hàng không về kiểm tra, giám sát khu vực sử dụng chung và dùng riêng của hàng không dân dụng; trách nhiệm của đơn vị quân đội về kiểm tra, giám sát khu vực dùng riêng cho hoạt động quân sự;

b) Các điểm ranh giới chuyển giao quyền kiểm soát đối với hoạt động của tàu bay trên khu bay;

c) Điều kiện thiết bị và nhân lực tối thiểu để đáp ứng các yêu cầu về điều hành tàu bay dân dụng/quân sự; phối hợp quản lý, khai thác mặt bằng, thiết bị, dịch vụ dành riêng cho hoạt động dân dụng, quân sự trong trường hợp cần thiết;

d) Trách nhiệm, phạm vi tuần tra canh gác, bảo vệ của từng đơn vị để bảo đảm an ninh, an toàn hàng không cho từng kết cấu hạ tầng (như đường cất hạ cánh, đường lăn …);

đ) Trách nhiệm thông báo kế hoạch bay quân sự/dân sự cho các đơn vị có liên quan; phối hợp trao đổi thông tin, thống nhất biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;

e) Mức độ ưu tiên sử dụng kết cấu hạ tầng trong các tình huống đột xuất, đặc biệt như: bay xuất kích chiến đấu, chuyên cơ, tình huống khẩn nguy...

g) Các yêu cầu đặc thù của từng bên như thiết bị tăng cường trong điều kiện bay đêm/tầm nhìn thấp đối với tàu bay quân sự;

h) Phối hợp xử lý các trường hợp xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, khai thác kết cấu hạ tầng và thiết bị thuộc khu vực dành riêng cho hoạt động quân sự, dân dụng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của nhau.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt sau khi có văn bản đồng ý của Quân chủng Phòng không - Không quân.

3. Người đề nghị phê duyệt văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam bao gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị phê duyệt văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

b) Bản chính văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xin ý kiến chấp thuận của Quân chủng Phòng không-Không quân, ban hành quyết định phê duyệt hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

Chương IV

KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 21. Yêu cầu chung

1. Người khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện các tài liệu hướng dẫn khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, cụ thể:

a) Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và các công trình, khu phụ trợ của sân bay;

b) Giao thông nội cảng hàng không, sân bay;

c) Nhà ga hành khách, nhà ga hàng hoá;

d) Hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay;

đ) Hệ thống cấp điện;

e) Hệ thống cấp, thoát nước;

g) Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không;

h) Hàng rào cảng hàng không, sân bay;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

i) Vọng gác, đường tuần tra, cổng, thanh chắn (barrier), cửa tại cảng hàng không, sân bay;

k) Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay;

l) Hệ thống chiếu sáng.

2. Việc ban hành, phê duyệt, thực hiện quy chế bay trong khu vực sân bay, tài liệu khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không, hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo quy định tương ứng về quản lý hoạt động bay, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ.

3. Kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải được kiểm tra định kỳ và đột xuất; duy tu bảo dưỡng để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo thiết kế, tiêu chuẩn khai thác, quy chế khai thác đã được ban hành. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, quy trình kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các hạng mục thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay tổ chức quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 của Điều này; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc kết nối cảng hàng không, sân bay với hạ tầng giao thông đường bộ khu vực, phù hợp với quy hoạch địa phương.

5. Chủ sở hữu sân bay chuyên dùng trực tiếp hoặc thuê người tổ chức quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng sân bay.

6. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tổ chức quản lý, khai thác đài kiểm soát không lưu và các cơ sở đài, trạm phục vụ hoạt động bay khác.

Điều 22. Yêu cầu đối với đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và các công trình, khu phụ trợ của sân bay

1. Việc khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn phải tuân thủ các thông số kỹ thuật được công bố. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xác định các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh, đường lăn, phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và công bố trên AIP, quy chế bay trong khu vực sân bay, tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh (CHC) bao gồm:

a) Ký hiệu đường CHC;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Chiều dài đường CHC;

c) Chiều rộng đường CHC;

d) Tọa độ ngưỡng đường CHC (theo tọa độ WGS-84);

đ) Độ dốc dọc đường CHC;

e) Độ dốc ngang đường CHC;

g) Sức chịu tải của đường CHC;

h) Loại tầng phủ bề mặt đường CHC;

i) Các cự ly sử dụng cho cất cánh và hạ cánh: TORA, TODA, ASDA, LDA.

3. Các thông số kỹ thuật chính của đường lăn bao gồm:

a) Ký hiệu đường lăn;

b) Chiều rộng đường lăn;

c) Độ dốc dọc đường lăn;

d) Độ dốc ngang đường lăn;

đ) Sức chịu tải của đường lăn;

e) Loại tầng phủ bề mặt của đường lăn.

4. Phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay bao gồm:

a) Sơ đồ sơn kẻ bố trí sân đỗ và vị trí đỗ tàu bay;

b) Tọa độ vị trí đỗ tàu bay (theo tọa độ WGS-84);

c) Sức chịu tải sân đỗ và từng vị trí đỗ tàu bay;

d) Loại tàu bay khai thác đối với từng vị trí đỗ;

đ) Quy trình khai thác, phương án cung cấp dịch vụ đối với từng vị trí đỗ.

5. Đường lăn, sân đỗ phải đảm bảo có đầy đủ các biển báo, đèn chỉ dẫn cho tàu bay tự lăn ra, vào vị trí đỗ từ đường cất hạ cánh an toàn theo tiêu chuẩn sân bay dân dụng. Đối với cảng hàng không, sân bay chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cho việc tàu bay tự di chuyển an toàn vào vị trí đỗ thì bắt buộc phải sử dụng xe dẫn đường tàu bay (follow-me) để dẫn dắt tàu bay vào vị trí đỗ; người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm lập, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kế hoạch khắc phục cơ sở hạ tầng của sân bay theo tiêu chuẩn sân bay dân dụng Việt Nam để tàu bay có thể tự di chuyển an toàn vào vị trí đỗ. Giá dịch vụ xe dẫn đường tàu bay bắt buộc được xây dựng trên cơ sở bù đắp chi

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

phí, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với giá dịch vụ hàng không độc quyền.

6. Sân đỗ quân sự có thể được sử dụng cho hoạt động của tàu bay dân dụng theo thỏa thuận giữa người khai thác cảng hàng không, sân bay và đơn vị quân đội liên quan với điều kiện đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và tiêu chuẩn đảm bảo khai thác sân đỗ dân dụng. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải xây dựng phương án khai thác sân đỗ quân sự cho mục đích dân dụng trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và công bố trên AIP, quy chế bay trong khu vực sân bay, tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay. Nội dung của phương án phải bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các nội dung quy định tại khoản 4 của Điều này;

b) Phương thức và hệ thống thông tin liên lạc của các đơn vị liên quan trong việc kéo dắt tàu bay khi sử dụng sân đỗ quân sự;

c) Phương án đảm bảo ứng phó khẩn nguy, cứu nạn, cứu hỏa, công tác đảm bảo an ninh, an toàn, chiếu sáng và vệ sinh sân đỗ;

d) Quy chế phối hợp cụ thể giữa đơn vị khai thác sân bay và đơn vị quân sự trong khi thực hiện các hoạt động khai thác của quân sự và hàng không dân dụng trên sân đỗ;

7. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị phê duyệt phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay;

b) Bản chính phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, ban hành quyết định phê duyệt hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

8. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đánh giá các ảnh hưởng đối với an toàn khai thác khi có sự thay đổi của kết cấu hạ tầng cảng hàng không sân bay, thiết bị hàng không; xác định các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh, đường lăn, phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay sau khi nâng cấp.

9. Nghiêm cấm người, phương tiện không có nhiệm vụ đi lại trên đường

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

cất hạ cánh, đường lăn. Khi thực hiện công việc trên đường cất hạ cánh, đường lăn, người và phương tiện tham gia phải được sự đồng ý của người khai thác cảng hàng không, sân bay, bộ phận kiểm soát mặt đất tại sân bay và đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Tuân thủ tuyệt đối các quy định về công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay;

b) Giữ liên lạc thường xuyên bằng bộ đàm với đài kiểm soát không lưu và đài kiểm soát mặt đất, tuyệt đối tuân thủ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu;

c) Mặc áo có gắn dải phản quang;

d) Giữ khoảng cách an toàn tối thiểu theo tiêu chuẩn của ICAO theo cấp sân bay khi có tàu bay hoạt động.

10. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải xây dựng, lắp đặt hệ thống biển báo, đèn, biển chỉ dẫn, sơn kẻ tín hiệu, biển cấm đối với hạ tầng cảng hàng không, sân bay nhằm hướng dẫn, bảo đảm an toàn khai thác, chống sự thâm nhập uy hiếp an toàn vào đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ; bảo đảm phù hợp với sự thay đổi của kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; thiết lập các khu vực chờ tại đường ngang giao giữa đường lăn và đường cất hạ cánh, các vị trí chờ dự bị và vị trí chờ trên đường nội bộ; đánh giá rủi ro để bảo đảm khu vực xung quanh đường cất hạ cánh được an toàn trong trường hợp tàu bay chạy quá đà hoặc hạ cánh quá khu vực tiếp đất.

11. Bộ phận kiểm soát mặt đất tại sân bay thực hiện các nhiệm vụ theo quy chế không lưu hàng không dân dụng. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thiết lập bộ phận kiểm soát mặt đất hoặc uỷ nhiệm cho đài kiểm soát không lưu thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Bộ phận kiểm soát mặt đất và đài kiểm soát không lưu phải có văn bản hiệp đồng bảo đảm kiểm soát an toàn mọi hoạt động di chuyển của người, tàu bay, phương tiện trên khu bay.

12. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải bố trí tối thiểu một vị trí đỗ tàu bay cách ly phục vụ cho các tình huống khẩn nguy sân bay, chống dịch bệnh lây lan hoặc trong các tình huống bảo đảm an ninh hàng không, an ninh quốc phòng. Vị trí đỗ tàu bay cách ly phải bố trí cách xa các vị trí đỗ tàu bay khác, nhà cửa hoặc các công trình công cộng khác, đảm bảo thuận lợi cho công tác an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và xử lý nghiệp vụ. Không bố trí vị trí đỗ tàu bay cách ly phía trên các công trình ngầm như bể chứa nhiên liệu tàu bay, hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu cho tàu bay, tuyến cáp điện lực hoặc cáp thông tin.

13. Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phải được bố trí biệt lập so với nhà ga hành khách, hàng hoá để giảm thiểu ảnh hưởng đến nhà ga hành khách, hàng hoá do tiếng ồn, luồng khí thải, nhiên liệu gây ra; phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, dầu thải và các chất thải độc hại khác đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

14. Dải, lề bảo hiểm bao gồm: dải bảo hiểm 2 đầu cất hạ cánh, dải bảo hiểm sườn và các dải, lề bảo hiểm khác phải tuân thủ theo tiêu chuẩn của ICAO và các quy định sau:

a) Đảm bảo độ chặt, độ bằng phẳng; cỏ trên dải, lề bảo hiểm phải được duy trì không cao quá 30 cm;

b) Việc lắp đặt các thiết bị phù trợ dẫn đường trong phạm vi dải, lề bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý chướng ngại vật và Phụ lục 14 của Công ước Chicago.

15. Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành chương trình, quy trình kiểm tra, duy tu bảo dưỡng đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ để đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 14 của Công ước Chicago và tiêu chuẩn sân bay dân dụng Việt Nam.

16. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ nhằm loại bỏ các vật thể ngoại lai; thực hiện các biện pháp nhằm ngăn ngừa việc tàu bay đi vào các đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ đang đóng cửa tạm thời hoặc vĩnh viễn; bảo đảm duy trì tốt các chỉ số về độ ma sát, độ chống trượt trên đường cất hạ cánh; đánh giá và thông báo kịp thời về tình trạng trơn trượt của tầng phủ đường cất hạ cánh khi bị phủ bởi vệt cao su, bị ướt; bảo đảm tần suất thực hiện duy tu bảo dưỡng đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ thực hiện theo tiêu chuẩn được áp dụng.

Điều 23. Yêu cầu đối với giao thông nội cảng hàng không, sân bay

1. Giao thông nội cảng hàng không, sân bay bao gồm: giao thông tại khu bay; giao thông tại cảng hàng không, sân bay nhưng ngoài khu bay (gọi tắt là giao thông ngoài khu bay).

2. Khu bay phải được thiết lập các vạch sơn tín hiệu đáp ứng tiêu chuẩn của ICAO và theo các yêu cầu sau đây:

a) Chỉ rõ luồng đường dành cho xe cộ và các thiết bị khác phục vụ tàu bay nhằm bảo đảm an toàn cho tàu bay và các hoạt động trên khu bay;

b) Chỉ rõ vị trí đỗ tàu bay; chỉ dẫn tàu bay lăn vào vị trí đỗ, vạch rẽ, đường rẽ, vạch đỗ tàu bay, vạch dừng và chỉ dẫn lăn ra theo sơ đồ bố trí trên sân đỗ tàu bay; bảo đảm đủ khoảng cách an toàn cho tàu bay khi lăn, đỗ; phù hợp với các thiết bị dẫn đường khác trên sân đỗ tàu bay;

c) Dấu hiệu nhận biết vị trí đỗ tàu bay (chữ hay số) phải bắt đầu từ chỗ rẽ của đường lăn vào và tiếp tục trên một khoảng ngắn sau điểm rời đường lăn; dấu hiệu phải có kích thước đủ để từ buồng lái (cabin) của tàu bay lăn vào vị trí đỗ có thể đọc được;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Ở những vị trí đỗ sử dụng linh hoạt cho nhiều loại tàu bay khác nhau, phải có dấu hiệu đánh dấu vị trí đỗ cho từng loại tàu bay cụ thể;

đ) Sơn tín hiệu đánh dấu đường lăn vào, đường rẽ vòng và đường lăn ra được kẻ liên tục trên suốt chiều dài lăn và có chiều rộng của vạch sơn không dưới 15cm; ở những chỗ có một hay nhiều loại sơn tín hiệu thì vạch sơn đánh dấu vị trí đỗ cho tàu bay lớn hơn phải liên tục, còn vạch sơn đánh dấu cho tàu bay khác thì ngắt quãng;

e) Sơn tín hiệu đánh dấu bán kính các đoạn cong của đường lăn vào, đường rẽ vào và đường lăn ra được kẻ theo loại tàu bay có bán kính quay lớn nhất;

g) Ở vị trí dự kiến tàu bay sẽ di chuyển chỉ theo một hướng phải có mũi tên chỉ hướng di chuyển;

h) Ký hiệu quay đầu phải bố trí thẳng góc với đường lăn vào về bên trái xét theo hướng từ vị trí người lái tại điểm bắt đầu quay đầu; chiều dài của ký hiệu không dưới 6m kể cả ký hiệu mũi tên chỉ hướng quay đầu và chiều rộng của vạch sơn không dưới 15cm; nếu cần nhiều ký hiệu quay đầu và vạch dừng thì phải có ký hiệu riêng cho từng loại;

i) Vạch sơn tín hiệu tim đường lăn phải được kẻ kéo dài cho đến vạch dừng tại vị trí đỗ; chiều rộng của vạch sơn không dưới 15cm;

k) Vạch dừng phải được sơn thẳng góc với đường lăn vào về bên trái xét theo hướng từ vị trí người lái tại điểm dừng; chiều dài của vạch dừng không nhỏ hơn 6m và chiều rộng của vạch sơn không nhỏ hơn 15cm;

l) Các vạch sơn tín hiệu đánh dấu giới hạn an toàn của sân đỗ tàu bay được gọi là vạch sơn tín hiệu an toàn sân đỗ tàu bay; được kẻ trên mặt đường sân đỗ tàu bay theo sơ đồ tàu bay đỗ và các phương tiện trên mặt đất;

m) Các vạch sơn tín hiệu an toàn của sân đỗ chỉ dẫn cho người, xe cộ và các thiết bị khác phục vụ tàu bay nhằm bảo đảm khoảng cách an toàn cho tàu bay; bao gồm các thành phần như: khoảng cách an toàn từ mút cánh tàu bay và các đường bao giới hạn đường ô tô phục vụ phải phù hợp với sơ đồ vị trí đỗ tàu bay và vị trí các phương tiện trên mặt đất; được kẻ liên tục trên suốt chiều dài sân đỗ với chiều rộng của vạch sơn không dưới 10cm;

n) Khu vực tập kết phương tiện, thiết bị phục vụ kỹ thuật mặt đất phải thiết lập các vạch sơn tín hiệu chỉ rõ khu vực dành cho việc tập kết phương tiện, thiết bị phục vụ kỹ thuật mặt đất;

o) Các vạch sơn không sử dụng phải được tẩy sạch hoàn toàn; có thể dùng các loại hoá chất để tẩy sạch hoặc ngăn ngừa việc hình thành chất bẩn trên mặt

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đường sân đỗ tàu bay khi cần thiết nhưng không làm trơn trượt mặt đường sân đỗ; không được dùng hoá chất có hại cho tàu bay hoặc mặt đường sân đỗ tàu bay, hoặc những hoá chất gây độc hại cho môi trường;

p) Có biển báo cấm người không có nhiệm vụ qua lại tại những nơi cần thiết để bảo đảm an toàn bay.

3. Giao thông ngoài khu bay, nhà ga được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 24. Yêu cầu đối với nhà ga hành khách, nhà ga hàng hoá

1. Cảng vụ hàng không chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan, thống nhất quy trình làm thủ tục đối với hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu phẩm, bưu kiện, thư phù hợp với từng cảng hàng không.

2. Trong nhà ga hành khách phải có các khu vực làm thủ tục cần thiết theo quy trình phục vụ hành khách; khu làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; khu vực dành cho khách không đủ điều kiện nhập cảnh đối với cảng hàng không quốc tế; khu vực hành lý thất lạc; khu vực chung để giải quyết khiếu nại giữa hành khách với hãng hàng không và doanh nghiệp cảng hàng không; quầy hoặc thiết bị hướng dẫn thông tin chung cho hành khách; khu vực trợ giúp y tế, sơ cứu ban đầu; khu nhà hàng.

3. Danh mục các hệ thống thiết bị phục vụ hành khách, hành lý, hàng hoá tối thiểu trong nhà ga bao gồm:

a) Hệ thống thiết bị làm thủ tục hàng không;

b) Hệ thống điện;

c) Hệ thống điều hòa;

d) Hệ thống băng chuyền hành lý;

đ) Hệ thống quản lý hàng hoá;

e) Hệ thống thiết bị kiểm tra an ninh hàng không;

g) Hệ thống thiết bị làm thủ tục xuất nhập cảnh (đối với cảng hàng không quốc tế);

h) Hệ thống thiết bị làm thủ tục hải quan (đối với cảng hàng không quốc tế);

i) Hệ thống thông tin;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

k) Hệ thống thông báo;

l) Hệ thống biển báo;

m) Hệ thống camera giám sát khu vực công cộng, khu vực hạn chế làm thủ tục, xử lý đối với hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu kiện;

n) Hệ thống thiết bị cứu hỏa, khẩn nguy nhà ga.

4. Nhà ga phải được duy trì, đảm bảo các điều kiện vệ sinh tối thiểu như sau:

a) Nhà ga phải được bảo đảm vệ sinh, sạch sẽ, khô ráo, không bị ô nhiễm, có các biển cảnh báo bảo đảm an toàn;

b) Các khu vệ sinh của nhà ga hành khách phải được giám sát và dọn vệ sinh; có bảng ghi tên người trực, thời gian, nội dung công việc được thực hiện;

5. Hệ thống biển báo trong nhà ga phải được lắp đặt đầy đủ, rõ ràng, ở các vị trí làm thủ tục cho hành khách, hàng hóa, khu vực xử lý hành lý, hàng hóa và các khu vực cần thiết khác theo quy định.

6. Tại các khu vực cải tạo, sửa chữa trong khu vực công cộng của nhà ga phải có vách ngăn và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và biển thông báo về việc cải tạo, sửa chữa.

7. Phải có phương án phòng chống cháy nổ, tổ chức huấn luyện, diễn tập, kiểm tra định kỳ phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

8. Các hạng mục trong nhà ga nêu tại khoản 3 của Điều này phải có kế hoạch và thực hiện duy tu bảo dưỡng thường xuyên.

9. Người khai thác cảng hàng không ban hành, tổ chức phổ biến và giám sát việc tuân thủ quy tắc an toàn tại nhà ga hành khách, nhà ga hàng hoá.

10. Trong điều kiện cho phép, Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo người khai thác cảng hàng không, sân bay bố trí một không gian nhất định tại nhà ga hành khách để trưng bày, giới thiệu văn hoá đặc sắc của Việt Nam.

11. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải công bố và thực hiện công khai chính sách lựa chọn các hãng taxi được nhượng quyền khai thác tại cảng hàng không; thông báo công khai trong nhà ga hành khách về hãng taxi được nhượng quyền, giá vận chuyển taxi; bảo đảm văn minh, lịch sự, an ninh trật tự đối với hoạt động khai thác taxi; ban hành quy chế kiểm soát khai thác xe taxi tại cảng hàng không, có biện pháp xử lý cụ thể đối với hãng taxi, lái xe taxi vi

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

phạm pháp luật hoặc vi phạm quy chế kiểm soát theo thoả thuận đã được ký kết; tổ chức quầy và thực hiện phân bổ xe taxi của các hãng taxi được nhượng quyền khai thác theo nguyên tắc:

a) Taxi đến trước đi trước, không phân biệt hãng taxi;

b) Hành khách có nhu cầu xếp hàng trật tự chờ phân bổ taxi.

Điều 25. Yêu cầu đối với hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay

1. Các hạng mục của hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay bao gồm: kho, bồn chứa nhiên liệu; trạm tiếp nạp, cấp phát nhiên liệu; hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu.

2. Các kho xăng dầu, bồn chứa, trạm tiếp nạp, hệ thống đường ống phải được thiết kế theo tiêu chuẩn được áp dụng, có khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn các công trình xăng dầu, an toàn phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.

3. Doanh nghiệp được phép cung cấp nhiên liệu tàu bay tại cảng hàng không, sân bay phải xây dựng phương án cung cấp nhiên liệu, sơ đồ bố trí vị trí bồn chứa, trạm tiếp nạp, hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu tàu bay (nếu có), quy trình kiểm tra, duy tu bảo dưỡng hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay.

Điều 26. Yêu cầu đối với hệ thống cấp điện

1. Các công trình, thiết bị hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải được duy trì nguồn cung cấp điện thường xuyên, dự phòng theo đúng tài liệu khai thác của công trình, thiết bị đó.

2. Cảng hàng không, sân bay phải có hệ thống cấp điện nguồn thường xuyên, dự phòng cho các hệ thống thiết bị hàng không đảm bảo hoạt động bình thường, liên tục.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm cung ứng, quản lý, khai thác, duy trì toàn bộ nguồn cấp điện thường xuyên cho toàn bộ cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp thoả thuận theo nhu cầu của người khai thác cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay.

4. Người quản lý khai thác hệ thống thiết bị hàng không tự bảo đảm nguồn cấp điện dự phòng cho hệ thống của mình.

Điều 27. Yêu cầu đối với hệ thống cấp, thoát nước

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay tổ chức kiểm tra chất lượng nước cấp sử dụng trong cảng hàng không, sân bay đạt tiêu chuẩn theo quy định.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Hệ thống thoát nước khu bay phải được kết nối thông suốt với hệ thống thoát nước tổng thể cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận; có phương án thoát nước với lượng mưa cao nhất dự báo có thể xảy ra; có hệ thống bảo vệ, chống đột nhập vào cảng hàng không, sân bay.

3. Nước thải phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường theo quy định trước khi thoát vào hệ thống thoát nước công cộng.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải xây dựng và thực hiện các quy trình cụ thể chống đột nhập qua hệ thống thoát nước.

Điều 28. Yêu cầu đối với hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không

1. Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không bao gồm các hạng mục được xây dựng tại cảng hàng không, sân bay phục vụ công tác phòng ngừa và đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng theo quy định.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay quản lý hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không, xây dựng quy chế khai thác, sử dụng, quy trình kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các hạng mục của hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 29. Yêu cầu đối với hàng rào cảng hàng không, sân bay

1. Hàng rào phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay, bao gồm:

a) Hàng rào vành đai của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

b) Hàng rào bao quanh khu vực hạn chế, trừ các khu vực hạn chế trong nhà ga.

2. Hàng rào phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:

a) Khó leo trèo; không dễ bị uốn cong, bẻ gãy; ngăn chặn được người, gia súc xâm nhập qua hàng rào;

b) Chiều cao của hàng rào gồm phần thân và ngọn tính từ mặt đất tối thiểu là 2,45m. Trong đó phần thân hàng rào cao tối thiểu là 2,15m, phần ngọn cao tối thiểu 0,30m;

c) Đối với mương, cống thoát nước xuyên qua hàng rào: phải lắp đặt lưới kim loại, bảo đảm việc tiêu nước và ngăn cản được người và gia súc xâm nhập vào sân bay;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Bên trong hàng rào vành đai sân bay có khoảng trống tối thiểu là 3m để sử dụng làm đường tuần tra, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Căn cứ vào các yêu cầu về an ninh và mỹ quan của cảng hàng không, sân bay hay khu vực cần bảo vệ, có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều loại, một hoặc nhiều lớp hàng rào khác nhau cho thích hợp.

3. Các loại hàng rào được phép sử dụng:

a) Hàng rào dây kim loại bao gồm hàng rào lưới dây kẽm gai và hàng rào lưới dây kim loại trơn (lưới B40);

b) Hàng rào tường xây bằng các loại vật liệu như gạch, đá, bê tông áp dụng cho những khu vực của cảng hàng không, sân bay tiếp giáp với khu dân cư, nhà xưởng;

c) Hàng rào song sắt áp dụng cho những khu vực cần mỹ quan; phần tiếp xúc với mặt đất xây bằng gạch, bê tông hoặc đá, phần trên là song sắt.

4. Hàng rào dây kim loại phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau đây:

a) Dây kim loại làm hàng rào có đường kính tối thiểu là 2,5mm;

b) Chân hàng rào xây bằng gạch, bê tông hoặc đá; cột trụ bằng sắt hoặc bê tông cốt thép khoảng cách giữa hai cột trụ không quá 3m;

c) Thân hàng rào là các tấm lưới đan gắn vào các cột trụ. Các dây đan với nhau hình vuông hoặc mắt cáo, các lỗ của hàng rào tối đa không quá 12cm x 12cm; cao tối thiểu 2,15m tính từ mặt đất (kể cả phần chân hàng rào);

d) Phần ngọn hàng rào sử dụng dây kẽm gai đơn, lưới hoặc các cuộn dây kẽm gai, nghiêng 45 độ hướng ra phía ngoài.

5. Hàng rào tường xây phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau đây:

a) Phần thân là tường xây rộng tối thiểu 20cm, cao tối thiểu 2,15m tính từ mặt đất;

b) Phần ngọn cao tối thiểu 0,30m, là dây kẽm gai đơn, lưới hoặc các cuộn dây kẽm gai, có đường kính dây tối thiểu là 2,5m, nghiêng 45 độ hướng ra phía ngoài.

6. Hàng rào song sắt phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau đây:

a) Khoảng cách tối đa giữa hai song sắt là 15 cm; chiều cao phần thân tối thiểu là 2,15m tính từ mặt đất; phần ngọn của song sắt nhọn hình mũi mác, cao tối thiểu 0,30m, nghiêng 45 độ hướng ra phía ngoài;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Kích thước song sắt: loại sắt đặc tròn có đường kính tối thiểu 14mm; loại sắt đặc vuông có kích thước tối thiểu 14mm x 14mm; loại sắt hộp có kích thước tối thiểu là 20mm x 20mm;

c) Đối với hàng rào chắn mương, cống thoát nước, khoảng cách tối đa giữa hai thanh sắt là 15 cm; kích thước thanh sắt đường kính tối thiểu là 14mm.

Điều 30. Yêu cầu đối với vọng gác, đường tuần tra, cổng, thanh chắn (barrier), cửa tại cảng hàng không, sân bay

1. Vọng gác được bố trí tại các cổng ra vào và dọc theo hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác, trừ khu vực hạn chế trong nhà ga. Khoảng cách giữa hai vọng gác liền kề bảo đảm cho nhân viên tại hai vọng gác có thể quan sát khép kín và kiểm soát được tình hình ở những đoạn hàng rào chuyển hướng.

2. Khi thiết kế, xây dựng vọng gác phải bảo đảm hạn chế được tác động xấu của thời tiết đối với sức khoẻ của nhân viên làm nhiệm vụ canh gác tại đó.

3. Vọng gác phải có cửa quan sát được tất cả các hướng, có thể lắp kính trong suốt để chắn được mưa, gió. Vọng gác được đặt thấp hoặc cao tuỳ theo địa hình của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, khu vực hạn chế khác và yêu cầu bảo vệ. Chiều cao của vọng gác phải bảo đảm:

a) Vọng gác đặt thấp: sàn của vọng gác cao tối thiểu 50cm so với mặt đất;

b) Vọng gác đặt cao: sàn của vọng gác cao tối thiểu 2,15m so với mặt đất.

4. Đường tuần tra phải có chiều rộng tối thiểu 3m và liền kề với phía trong của hàng rào vành đai sân bay, trừ trường hợp bất khả kháng không thể xây dựng.

5. Hạn chế tối đa số lượng cổng, cửa dành cho phương tiện hoặc người vào/ra các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác.

6. Cổng ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Cổng dùng cho phương tiện: trụ cổng phải xây bảo đảm vững chắc; cánh cổng làm bằng kim loại hoặc vật liệu bền vững khác và ngăn cản được việc đối tượng sử dụng phương tiện lao qua cổng, chiều cao của cánh cổng tối thiểu phải cao bằng chiều cao của hàng rào;

b) Cổng ra, vào khu vực hạn chế dùng cho phương tiện trong trường hợp không có cánh cổng phải có thanh chắn (barrier); trụ barrier phải xây bảo đảm vững chắc. Barrier phải làm bằng ống kim loại với đường kính tối thiểu 60mm; chiều cao từ mặt đất đến mép trên của barrier là 1m.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Cổng dành cho người: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu (áp dụng đối với cảng hàng không quốc tế);

d) Có giám sát của nhân viên an ninh hàng không, bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp hoặc giám sát bằng thiết bị.

7. Cửa ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Các cửa từ nhà ga thông ra sân đỗ tàu bay: trụ và cánh cửa phải chắc chắn, có khoá an toàn bảo đảm độ kín, khít; bảo đảm không có dụng cụ hỗ trợ không thể phá được cửa;

b) Cửa dành cho nhân viên nội bộ ra/vào các khu vực hạn chế của nhà ga: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu (đối với cảng hàng không quốc tế).

Điều 31. Yêu cầu đối với hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đáp ứng quy định về công tác phòng chống cháy nổ và khẩn nguy sân bay, cụ thể:

a) Có nhà tập kết xe cứu hoả, kho tàng, với đầy đủ vật tư, dụng cụ, thiết bị, nguyên vật liệu khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ theo tiêu chuẩn áp dụng; vị trí kho tàng phải được bố trí gần khu bay, có đường giao thông thuận lợi bảo đảm tiếp cận nhanh chóng đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ, theo đường thẳng và ít phải đi vòng, phù hợp với các phương án khẩn nguy sân bay;

b) Bảo đảm duy trì khối lượng nước dự trữ, họng cung cấp nước cứu hoả phù hợp với cấp độ khẩn nguy sân bay;

c) Thiết lập trung tâm khẩn nguy sân bay, có đầy đủ thiết bị thông tin liên lạc đảm bảo liên lạc thông suốt đến các cơ quan có liên quan đến công tác khẩn nguy sân bay, hệ thống tài liệu, phương án khẩn nguy.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành quy trình kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các hạng mục của kết cấu hạ tầng, thiết bị; duy trì nguyên vật liệu, nước dự trữ phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 32. Yêu cầu đối với hệ thống chiếu sáng

1. Hệ thống chiếu sáng sân đỗ tàu bay:

a) Đèn chiếu sáng sân đỗ tàu bay phải được lắp đặt và bố trí hợp lý đảm bảo cung cấp đủ độ sáng cho tất cả các khu vực trong sân đỗ tàu bay; tại mỗi một vị trí đỗ

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tàu bay phải nhận được ánh sáng chiếu tối thiểu từ hai hướng đi tới để bảo đảm độ khuất bóng thấp nhất; đèn chiếu sáng sân đỗ không được hướng trực tiếp vào đài kiểm soát không lưu, đài kiểm soát mặt đất, hướng tàu bay hạ cánh và lăn vào vị trí đỗ;

b) Độ sáng chuẩn tối thiểu tại vị trí đỗ tàu bay: độ sáng theo phương nằm ngang là 20 lux với tỷ lệ đồng đều (tỷ số độ sáng chuẩn/độ sáng tối thiểu) không được vượt quá 4/1; độ sáng ở độ cao 2m so với mặt sân đỗ theo phương thẳng đứng là 20 lux ở những hướng cần thiết;

c) Độ sáng chuẩn tối thiểu tại các khu vực khác của sân đỗ: độ sáng theo phương nằm ngang là 10 lux, với tỷ số đồng đều (tỷ số độ sáng chuẩn/độ sáng tối thiểu) không được vượt quá 4/1;

d) Trường hợp sân đỗ không có phương tiện chiếu sáng cố định thì phải có phương tiện chiếu sáng di động để chiếu sáng phục vụ tàu bay;

2. Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra vào phải bố trí hợp lý, độ sáng phải đủ để kiểm tra, kiểm soát người phương tiện và phát hiện đột nhập vào ban đêm nhưng không làm chói loá gây khó khăn cho việc quan sát khi tuần tra và cho các hoạt động khác. Độ sáng tại mặt đất được quy định như sau:

a) Phía bên ngoài của những cơ sở quan trọng và những điểm trọng yếu là 10 lux; hàng rào ngay cạnh những khu vực hoạt động là 4 lux; khu vực tách biệt với khu vực hoạt động là 2 lux;

b) Cổng sử dụng cho phương tiện ra vào là 10 lux; cổng sử dụng cho người ra vào là 20 lux.

3. Tất cả các hệ thống chiếu sáng phải có nguồn điện dự phòng.

Điều 33. Đưa vào khai thác, ngừng khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp hồ sơ đề nghị đưa kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Tờ trình xin phép đưa vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình;

b) Bản sao hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu đưa công trình vào khai thác theo quy định của pháp luật về xây dựng cơ bản có dấu xác nhận của Người khai thác hạng mục thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Bản sao phương án, quy trình khai thác có dấu xác nhận của người khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Người khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp hồ sơ đề nghị ngừng khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Tờ trình xin phép ngừng khai thác bao gồm các thông tin: lý do ngừng khai thác; vị trí và phạm vi ngừng khai thác; thời gian ngừng khai thác;

b) Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực ngừng khai thác có dấu xác nhận của người khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay;

c) Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình ngừng khai thác;

d) Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình ngừng khai thác;

đ) Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường trong khu vực thi công đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa và xây dựng;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam sẽ xem xét, quyết định việc đưa vào khai thác, ngừng khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

Chương V

THIẾT BỊ HÀNG KHÔNG VÀ PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 34. Quy định chung

1. Thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay bao gồm hệ thống kỹ thuật, thiết bị, phương tiện phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng, bao gồm tiêu chuẩn của ICAO, tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở do

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Cục Hàng không Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng trong ngành hàng không dân dụng.

3. Thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải được trang bị đầy đủ, đảm bảo hoạt động của cảng hàng không, sân bay an toàn, liên tục, hiệu quả.

4. Người quản lý, khai thác thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay ban hành và thực hiện các quy trình khai thác, kiểm tra, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng phù hợp với tài liệu khai thác, bảo dưỡng của nhà sản xuất; có phương án, thiết bị dự phòng thay thế để đảm bảo không gián đoạn việc cung cấp dịch vụ hàng không; tổ chức huấn luyện, cập nhật cho nhân viên điều khiển, vận hành về tài liệu kỹ thuật, quy trình khai thác, kiểm tra, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng, quy định về bảo đảm an toàn khai thác tại khu bay.

5. Việc khai thác các thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, phạm vi cung cấp dịch vụ của người khai thác thiết bị, mục đích sử dụng.

6. Kế hoạch lắp đặt, đưa vào khai thác thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay của người cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải được Cảng vụ hàng không xem xét thông qua và thông báo cho người khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 35. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay được thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất ở Việt Nam

1. Cục Hàng không Việt Nam xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay được thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam, bao gồm:

a) Các thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay;

b) Các thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không;

c) Các thiết bị, phương tiện lắp đặt, hoạt động tại khu bay.

2. Thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động nêu tại các mục a, b và c khoản 1 của Điều này được thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất ở Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật để đưa vào khai thác khi:

a) Phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo vệ môi trường được áp dụng, bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở do Cục Hàng không Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng trong ngành hàng không dân dụng, phù hợp với tiêu chuẩn của ICAO;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Thực hiện tốt các công việc thử nghiệm, đánh giá theo yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

3. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay được thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

b) Bản sao tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng;

c) Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

d) Bản chính biên bản nghiệm thu nội bộ của cơ sở sản xuất;

đ) Bản chính biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;

e) Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm;

g) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đưa vào khai thác hoặc khai thác thử, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị. Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao gồm các công việc sau:

a) Xác định yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng;

b) Thẩm định nội dung các tài liệu theo yêu cầu;

c) Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu nội bộ của cơ sở sản xuất;

d) Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm với các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp của sản phẩm;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đ) Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

e) Kiểm tra kết quả khai thác thử.

Điều 36. Giấy phép khai thác thiết bị hàng không tại cảng hàng không, sân bay

1. Thiết bị hàng không sau đây phải có giấy phép khai thác do Cục Hàng không Việt Nam cấp trước khi đưa vào khai thác:

a) Thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay;

b) Thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm an ninh hàng không;

c) Thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay.

2. Điều kiện, thủ tục cấp giấy phép khai thác đối với thiết bị hàng không nêu tại các điểm a, b khoản 1 của Điều này thực hiện theo quy định về bảo đảm hoạt động bay, bảo đảm an ninh hàng không.

3. Điều kiện cấp giấy phép khai thác thiết bị hàng không nêu tại điểm c, khoản 1 của Điều này:

a) Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, điều kiện kỹ thuật của loại thiết bị hàng không theo quy định tại Điều 34, Điều 35 của Thông tư này;

b) Có đủ tài liệu sản xuất, lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng hợp lệ;

c) Hoàn thành các thủ tục lắp đặt, kiểm tra, kiểm định theo quy định;

d) Phù hợp với mục đích sử dụng, phạm vi hoạt động, kinh doanh của người khai thác thiết bị; đáp ứng nhu cầu khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thiết bị hàng không nêu tại điểm c khoản 1 của Điều này được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Công văn đề nghị cấp giấy phép trong đó giải trình rõ các nội dung sau: loại thiết bị; mục đích sử dụng; phạm vi, khu vực lắp đặt, hoạt động, tiêu chuẩn áp dụng;

b) Tài liệu sản xuất, lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng;

c) Biên bản hoàn thành các thủ tục lắp đặt, kiểm tra, kiểm định hệ thống;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho người đề nghị.

5. Giấy phép khai thác thiết bị hàng không nêu tại Điều này hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Bị thu hồi.

6. Giấy phép khai thác thiết bị hàng không bị thu hồi trong trường hợp việc khai thác thiết bị có khả năng gây mất an toàn cho hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

7. Giấy phép khai thác thiết bị bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, có nêu rõ lý do;

b) Giấy phép khai thác thiết bị đã được cấp, trừ trường hợp mất;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp lại giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

Điều 37. Yêu cầu đối với phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay bao gồm phương tiện phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ hàng không, chuyên chở cán bộ, nhân viên hàng không, phục vụ vệ sinh, môi trường hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay. Các phương tiện này phải đáp ứng tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường, phù hợp với phạm vi kinh doanh, điều kiện của kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, mục đích sử dụng của người cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay.

2. Niên hạn sử dụng của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay:

a) Đối với phương tiện chở người: không quá 25 năm.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Đối với phương tiện không chở người: quy định theo hiện trạng kiểm định.

3. Các yêu cầu quy định tại khoản 1, 2 của Điều này là điều kiện cần để xem xét cấp giấy phép hoạt động của phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay theo quy định của Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 38. Kiểm định an toàn, kỹ thuật, môi trường phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Phương tiện nêu tại khoản 1 Điều 37 của Thông tư này phải được kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường với thời hạn 24 tháng/lần. Việc kiểm định do hội đồng kiểm định an toàn, kỹ thuật, môi trường của đơn vị quản lý khai thác hoặc cơ sở kiểm định kỹ thuật phù hợp với loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay thực hiện.

2. Thành viên hội đồng kiểm định do đơn vị quản lý khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay thành lập là những cán bộ, chuyên gia về lĩnh vực phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được mời tham gia (có thể không phải là nhân viên của đơn vị); số lượng thành viên hội đồng không ít hơn 3.

3. Biên bản kiểm định đủ tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường phải có chữ ký của giám sát viên Cảng vụ hàng không liên quan.

4. Kết quả kiểm định, đánh giá của hội đồng kiểm định có thể bị từ chối công nhận nếu không đáp ứng được yêu cầu nêu tại các khoản 2 và 3 của Điều này; trong trường hợp có tranh chấp giữa hội đồng kiểm định hoặc cơ sở kiểm định với giám sát viên Cảng vụ hàng không, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định.

5. Phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay bị đình chỉ hoạt động trong trường hợp sau:

a) Không được kiểm định hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn khai thác an toàn, kỹ thuật, môi trường;

b) Gây sự cố tai nạn.

Điều 39. Số biển kiểm soát an ninh hàng không phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Phần chữ là mã (code) của Cảng hàng không nơi phương tiện hoạt động

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoạt động, ví dụ: sân bay Đà Nẵng là DAD, sân bay Phú Bài là HUI, sân bay Vinh là VII;

2. Chữ số đầu chỉ đơn vị quản lý khai thác phương tiện, cụ thể:

a) 1 là phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) 2 là phương tiện của Tổng công ty Hàng không Việt Nam;

c) 3 là phương tiện của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không khác.

3. Hai chữ số tiếp theo chỉ loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay: 01 là xe thang; 02 là cầu hành khách; 03 là xe phục vụ hành khách cần trợ giúp đặc biệt; 04 là xe chở suất ăn; 05 là xe cấp nước sạch; 06 là xe vệ sinh; 07 là xe chở khách trong sân bay; 08 là xe và trạm điều hoà không khí; 09 là xe và thiết bị nâng hàng; 10 là xe băng chuyền; 11 là xe trung chuyển; 12 là xe đầu kéo hàng hoá, hành lý; 13 là xe xúc, nâng; 14 là xe và thiết bị cấp điện cho tàu bay; 15 là xe và thiết bị khởi động khí; 16 là xe và thiết bị thuỷ lực; 17 là xe và trạm cấp khí nén, khí ôxy, khí nito; 18 là xe kéo đẩy tàu bay; 19 là cẩu và thiết bị nâng; 20 là thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay; 21 là xe cứu hoả; 22 là xe dẫn tàu bay; 23 là thiết bị cắt và thu gom cỏ; 24 thiết bị tẩy vệt cao su; 25 là thiết bị vệ sinh sân đường; 26 là xe phun sơn; 27 là xe cứu thương; 28 là đo-ly; 29 là thiết bị chiếu sáng di động; 30 là xe nâng vật tư hàng hóa rời phục vụ tàu bay; 31 là các xe thông thường khác.

4. Sau hai chữ số chỉ loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay là những chữ số chỉ số thứ tự được cấp phép của từng loại phương tiện, bắt đầu từ 01 đến 02.v.v.

5. Kích thước, màu sắc biển số đăng ký, chữ và số trên biển số đăng ký của phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay làm theo quy định về kích thước biển số đăng ký xe ô tô của cơ quan Nhà nước.

Điều 40. Khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Việc khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ quy trình vận hành tiêu chuẩn của người sản xuất, người khai thác phương tiện nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác.

2. Các phương tiện phục vụ trên sân đỗ phải được sơn theo quy định tại Phụ lục 14 của Công ước Chicago.

3. Việc cấp điện cho tàu bay phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Kiểm tra các tham số trên bảng điều khiển phù hợp với nguồn điện của tàu bay theo quy định của nhà chế tạo trước khi cấp điện;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Kiểm tra các cáp điện bảo đảm độ cách điện, không bị mòn, rách lớp vỏ bọc. Các đầu cắm điện với tàu bay phải sạch, khô, không hỏng và bảo đảm tiếp xúc tốt với ổ cắm điện trên tàu bay;

c) Trong suốt thời gian cấp điện, thiết bị cấp điện phải duy trì được độ ổn định các tham số kỹ thuật của nguồn điện cung cấp và đạt được giới hạn quá tải cho phép trong thời gian quy định;

d) Trong quá trình cấp điện, nhân viên kỹ thuật không được rời khỏi vị trí công tác;

đ) Không được sửa chữa, lau chùi các bộ phận của thiết bị trong quá trình cấp điện;

e) Việc điều khiển các thiết bị cấp điện cho tàu bay do nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có giấy phép điều khiển thực hiện phù hợp với tài liệu hướng dẫn sử dụng.

4. Việc nạp các chất khí cho tàu bay phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Phải được tiến hành theo quy trình kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng của từng loại thiết bị cấp khí;

b) Các chất khí qua các thiết bị cấp khí lên tàu bay phải bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật, y tế theo quy định trong tài liệu "Hướng dẫn sử dụng" của từng loại thiết bị cấp khí; không được nạp những chất khí không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, y tế hoặc quá hạn lên tàu bay;

c) Không được sử dụng các bình tích áp đã hết niên hạn kiểm định;

d) Không được dùng giẻ lau hoặc dụng cụ có dính dầu mỡ đối với thiết bị cấp ô xy;

đ) Khi làm việc với các thiết bị cấp khí, nhân viên kỹ thuật cần phải biết chắc chắn biểu đồ quan hệ giữa nhiệt độ và áp suất các chất khí có trong các tài liệu "Hướng dẫn sử dụng" để bảo đảm an toàn khi vận hành;

e) Không được mở van cấp khí một cách đột ngột khi cấp khí cho tàu bay;

g) Không được tháo, lắp các đầu nối ống dẫn khí khi trong hệ thống chưa xả hết áp suất dư;

h) Phải xả hết áp suất dư trong hệ thống đường ống khi chưa cấp khí; các đầu nối ống dẫn khí cần đậy nắp cẩn thận và giữ gìn sạch sẽ, khô ráo khi chưa cấp khí;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

i) Khi tiến hành cấp ô xy cho tàu bay phải bố trí các thiết bị cứu hoả thích hợp đầy đủ và nếu cần chiếu sáng thì phải dùng các đèn chống nổ;

k) Ô xy dùng cho tàu bay áp dụng tiêu chuẩn ISO 2046; ni tơ dùng cho tàu bay áp dụng tiêu chuẩn ISO 2435; và các ISO bổ sung, thay thế tiêu chuẩn ISO 2046 và tiêu chuẩn ISO 2435.

5. Việc nạp các chất lỏng phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Thực hiện bằng các phương tiện chuyên dùng khi nạp các chất lỏng khác nhau; việc nối nạp các chất lỏng với các hệ thống tàu bay được thực hiện bằng đầu nối phù hợp;

b) Các chất lỏng nạp lên tàu bay phải phù hợp về chủng loại với chất lỏng trên tàu bay và bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; không được nạp cho tàu bay những chất lỏng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật như đã quy định ở tài liệu "Hướng dẫn sử dụng";

c) Các thiết bị nạp chất lỏng được kiểm tra thường xuyên về độ sạch của các hệ thống ống dẫn; sau khi sử dụng, đầu các ống dẫn phải được đậy kín để chống cát bụi, hơi nước và nước lọt vào;

d) Khi nạp chất lỏng với yêu cầu có áp suất lên tàu bay phải bảo đảm chắc chắn là đã xả hết áp suất dư trong hệ thống thủy lực của thiết bị; chất lỏng cho hệ thống thủy lực đã đầy đủ mới bật bơm thủy lực để cấp chất lỏng cho tàu bay;

đ) Không được tháo, lắp các đầu nối ống dẫn chất lỏng khi trong hệ thống thủy lực chưa xả hết áp suất dư;

e) Một số chất lỏng như dầu thủy lực của hệ thống thủy lực tàu bay có tính độc hại đối với con người và môi trường; khi làm việc với những chất lỏng này phải nghiêm chỉnh chấp hành những quy định ghi trong "Hướng dẫn sử dụng";

g) Những chất lỏng có ảnh hưởng đến bề mặt sơn phủ, tính dính kết, độ kín hay hạn chế việc chống ô xy hoá phải đặc biệt chú ý trong quá trình nạp, không được làm đổ chất lỏng ra ngoài. Nếu chất lỏng bị đổ thì phải làm sạch ngay;

h) Việc điều khiển các thiết bị cấp chất lỏng cho tàu bay do nhân viên kỹ thuật có giấy phép điều khiển thực hiện phù hợp với tài liệu "Hướng dẫn sử dụng".

6. Việc nạp nhiên liệu lên tàu bay phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Các loại nhiên liệu nạp lên tàu bay phải đúng chủng loại, đủ chất lượng và phải có phiếu hoá nghiệm xác định chất lượng nhiên liệu còn hiệu lực;

b) Xe nạp nhiên liệu phải đỗ đúng theo vị trí quy định, phải bảo đảm xe di chuyển nhanh khỏi tàu bay và các phương tiện phục vụ khác khi có sự cố xảy ra;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Không nạp quá đầy làm tràn nhiên liệu ra ngoài; nếu bị tràn ra ngoài ít thì người nạp phải lau sạch ngay; nếu nhiên liệu tràn với diện tích lớn hơn 4 m^2 phải yêu cầu nhân viên cứu hoả đến làm sạch;

d) Khi nạp nhiên liệu có thể cho hành khách lên tàu bay, trừ trường hợp quy định tại điểm đ của khoản này, với điều kiện: phải thông báo cho hành khách và nhân viên đang ở trên tàu bay việc nạp nhiên liệu; hành khách và nhân viên trên tàu bay không được thắt dây an toàn; không được hút thuốc, không được sử dụng bất cứ thiết bị nào có thể bắt lửa; đối với chuyến bay không sử dụng cầu hành khách, các xe thang túc trực sẵn ở các cửa tàu bay để khi có sự cố khách có thể thoát ra ngoài; xe cứu hỏa sẵn sàng tại vị trí nhà trực;

đ) Khi trên tàu bay có hành khách thì không được phép nạp nhiên liệu cho các loại tàu bay sau: tàu bay trực thăng; tàu bay có dưới 20 ghế hành khách; tàu bay dùng nhiên liệu JP4 hoặc trộn lẫn nhiên liệu JP4;

e) Khi đang nạp nhiên liệu lên tàu bay, không được thực hiện các hành vi: bật, tắt nguồn điện tàu bay hoặc sử dụng những thiết bị có khả năng sinh ra tia lửa điện; thông điện để kiểm tra các thiết bị và hệ thống của tàu bay; sưởi ấm động cơ, điều hoà không khí trong buồng khách và buồng lái tàu bay; dùng nguồn sáng hở để kiểm tra quá trình nạp nhiên liệu;

g) Không được nạp nhiên liệu cho tàu bay trong các trường hợp: đầu nối với cực ắc quy hoặc dây tiếp mát, ắc quy của xe dầu vặn không chặt; xe nạp dầu và tàu bay không tiếp mát; có dầu loang trên bãi đậu, trên tàu bay, trên xe nạp; hệ thống đường ống dẫn nhiên liệu hoặc các đầu nối bị rò rỉ nhiên liệu; không có lối thoát cho xe nạp nhiên liệu trong trường hợp khẩn cấp.

7. Việc kéo đẩy tàu bay phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Việc kéo đẩy tàu bay phải do nhân viên kỹ thuật tàu bay, lái xe có giấy phép điều khiển đảm nhiệm;

b) Chỉ được phép kéo đẩy tàu bay theo những đường do người khai thác cảng hàng không, sân bay quy định; khi kéo đẩy tàu bay cần tuân thủ theo góc vòng của từng loại tàu bay theo quy định của "Hướng dẫn sử dụng" từng loại tàu bay;

c) Khi sử dụng xe kéo đẩy tàu bay, người điều khiển phải tuân thủ các giới hạn về tốc độ tối đa như sau: 10 km/h khi đang kéo đẩy tàu bay; 25 km/h khi chạy không tải (không kéo, đẩy tàu bay);

d) Khi kéo, đẩy tàu bay trong điều kiện ban đêm hoặc sương mù phải bật đèn đầu cánh của tàu bay; đèn pha, đèn tín hiệu trên nóc xe kéo đẩy phải bật sáng;

đ) Không được dùng xe kéo đẩy làm việc quá sức tải so với mức tải quy định trong tài liệu "Hướng dẫn sử dụng" của từng loại xe;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

e) Khi kéo dắt tàu bay bằng cáp và xích không được để cho dây cáp, dây xích chạm vào lốp tàu bay; không được để bánh tàu bay đè lên dây xích, dây cáp;

g) Không được thực hiện các hành vi sau đây trong quá trình kéo đẩy tàu bay: tăng tốc hoặc dừng lại đột ngột; có người trên thân, cánh tàu bay; có người bám bên ngoài buồng lái xe kéo hoặc đứng ngồi trên cần kéo đẩy; để chèn tàu bay hoặc bất cứ vật gì trên cần kéo đẩy; cài số lùi để kéo tàu bay;

h) Trong quá trình kéo đẩy tàu bay lái xe phải chấp hành lệnh của người chỉ huy kéo đẩy; người chỉ huy kéo đẩy phải ở trong tầm nhìn thấy của lái xe và nhân viên kỹ thuật tàu bay.

8. Khi dẫn tàu bay phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm khoảng cách giữa xe dẫn và tàu bay trong khoảng 150m đến 200m khi dẫn tàu bay;

b) Phải tuyệt đối chấp hành chỉ lệnh của đài kiểm soát mặt đất hoặc đài chỉ huy tại sân bay trong quá trình dẫn dắt tàu bay.

9. Việc bốc dỡ hàng hoá, hành lý phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Phải bảo đảm khoảng cách từ phương tiện bốc dỡ hàng đến buồng hàng hoá luôn phù hợp trong quá trình xếp dỡ hàng hoá, hành lý; đóng, mở buồng hàng phải thận trọng;

b) Hạn chế dùng đòn bẩy khi xếp vật nặng trong khoang hàng hoá; trong trường hợp dùng đòn bẩy phải có vật mềm để kê, tránh tiếp xúc trực tiếp của đòn bẩy với sàn tàu bay;

c) Phải kiểm soát chặt chẽ việc điều khiển, kiểm tra khi công-ten-nơ và pa-let được kéo đẩy bằng tay;

d) Không chất hàng quá quy định vào công-ten-nơ và mâm hàng; không kéo quá mạnh tránh cho mâm hàng khỏi cong, vênh khi kéo lưới mâm hàng;

đ) Phải chú ý đến các chốt và thanh chắn cạnh khi đẩy pa-let và công-ten-nơ trên các phương tiện có con lăn hoặc bánh xe; không được đi lại trên các con lăn và bánh xe;

e) Người phục vụ không được đứng trên sàn xe nâng khi xe đang di chuyển; thanh dẫn phải đặt đúng vị trí khi xếp dỡ hàng;

g) Tấm đệm cao su đầu xe băng chuyền phải được áp sát ngưỡng cửa và thân tàu bay ở vị trí phù hợp với sự thay đổi vị trí theo chiều thẳng đứng (lên xuống) của tàu bay khi thay đổi tải trọng;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

h) Xe băng chuyền chỉ được hoạt động khi xe đã tiếp cận đúng vị trí; trong khi xếp dỡ hàng hoá các nhân viên phục vụ không được đi lại trên mặt băng chuyền;

i) Nhân viên kỹ thuật chỉ được bước từ cửa buồng hàng tàu bay sang phương tiện hoặc ngược lại khi phương tiện đã dừng hẳn và ở trạng thái ổn định;

k) Không để chân tay bị kẹt vào công-ten-nơ, pa-let và đo-ly khi đẩy tới cửa tàu bay;

10. Các loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay khác

a) Khi sử dụng xe khởi động khí, trước lúc cấp khí phải kiểm tra van lá đầu ống cấp khí và lớp lưới bảo vệ ống; không để ống cấp khí bị xoắn, gập, xây sát; khoảng cách giữa xe khởi động khí và tàu bay phải phù hợp, sao cho ống cấp khí không chùng cũng không căng quá;

b) Xe thang, cầu hành khách, xe suất ăn, xe phục vụ hành khách cần trợ giúp đặc biệt tiếp cận tàu bay sao cho tấm cao su đệm đầu trên áp sát vào thân tàu bay mà khi tàu bay thay đổi tải trọng không bị ảnh hưởng;

c) Xe suất ăn khi tiếp cận và rời khỏi tàu bay phải có người chỉ huy; đảm bảo khoảng cách đến tàu bay thật phù hợp; sàn trên của xe suất ăn phải đặt sao cho không ảnh hưởng đến việc mở cửa tàu bay khi tàu bay thay đổi tải trọng; phải có bộ phận bảo vệ ngưỡng cửa tàu bay khi kéo xe chở thức ăn từ xe nâng suất ăn lên tàu bay;

d) Xe vệ sinh, xe cấp nước sạch phải bảo đảm vị trí của sàn làm việc theo quy định của tài liệu Hướng dẫn sử dụng. Nhân viên vận hành không được làm việc trên sàn khi xe còn đang chuyển động; các ống hút, cấp dẫn phải được thu gọn trước khi xe chuyển động.

11. Phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải được mua bảo hiểm theo quy định; được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ phù hợp.

12. Tốc độ tối đa của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được quy định như sau:

a) 5 kilômét/giờ (km/h) trong khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất;

b) 35 kilômét/giờ (km/h) ngoài khu vực an toàn cho tàu bay ở mặt đất.

13. Người khai thác cảng hàng không, sân bay quy định thứ tự phục vụ tàu bay của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; quy định cụ thể tốc độ của phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

cảng hàng không, sân bay căn cứ điều kiện cụ thể của từng cảng hàng không, sân bay nhưng không vượt quá quy định tại các khoản 7, 12 của Điều này.

Điều 41. Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Việc khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ quy định về bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện của người sản xuất, người khai thác nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác.

2. Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay bao gồm các loại sau:

a) Bảo dưỡng thường xuyên;

b) Bảo dưỡng định kỳ;

c) Sửa chữa lớn;

d) Sửa chữa theo yêu cầu.

3. Bảo dưỡng thường xuyên là việc kiểm tra, bảo dưỡng kỹ thuật động cơ và các hệ thống nhằm duy trì phương tiện luôn luôn ở trạng thái tốt, sẵn sàng phục vụ. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện trước và sau khi phương tiện phục vụ tàu bay. Khi thay đổi ca trực các nhân viên kỹ thuật phải tiến hành kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các phương tiện. Nội dung công việc bảo dưỡng thường xuyên theo quy định của tài liệu "Hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa" của từng loại phương tiện.

4. Bảo dưỡng định kỳ là việc kiểm tra, bảo dưỡng kỹ thuật thân, động cơ và các hệ thống của phương tiện, được tiến hành theo một chu kỳ nhất định tương ứng với số giờ làm việc, số lần làm việc, số ki lô mét do nhà chế tạo quy định. Bảo dưỡng định kỳ còn bao gồm bảo dưỡng theo thời gian tháng, quý, năm đối với các phương tiện ít hoạt động. Nội dung bảo dưỡng định kỳ theo quy định của tài liệu "Hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa" của từng loại phương tiện và quy định của đơn vị sử dụng.

5. Sửa chữa lớn là sửa chữa cơ bản, được tổ chức thành dây chuyền công nghệ hoàn chỉnh, được thực hiện theo các quy định sau:

a) Phương tiện được tháo toàn bộ, mọi chi tiết được phân loại, phục hồi hoặc thay thế. Các cụm máy, tổng thành được lắp ráp, điều chỉnh và thử nghiệm theo nội dung và dây chuyền công nghệ sửa chữa lớn của cơ sở;

b) Tổng thành phải được đưa đi sửa chữa lớn nếu các chi tiết chính không đạt yêu cầu kỹ thuật;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Nội dung và dây chuyền công nghệ sửa chữa lớn tổng thành của các phương tiện theo quy định của cơ sở sửa chữa;

d) Việc sửa chữa lớn phải căn cứ vào tình trạng kỹ thuật thực tế và số giờ làm việc, số ki lô mét đã chạy, niên hạn sử dụng.

6. Sửa chữa theo yêu cầu nhằm khắc phục các hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng. Sửa chữa này được tiến hành bằng cách phục hồi hoặc thay thế các chi tiết riêng biệt, các cơ cấu, hệ thống và sửa chữa đơn giản khác. Sửa chữa theo yêu cầu được thực hiện trong quá trình sử dụng và được kết hợp trong quá trình bảo dưỡng phương tiện.

Điều 42. Nguyên tắc bảo dưỡng, sửa chữa

1. Chỉ được sử dụng dụng cụ và thiết bị kiểm tra, các loại nhiên liệu, các loại dầu mỡ bôi trơn, các loại dầu thủy lực, các loại chất lỏng, chất khí được quy định trong tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa từng loại phương tiện trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện.

2. Trong quá trình tháo, lắp các chi tiết, tổng thành, hệ thống phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

a) Thực hiện đúng các yêu cầu của quy trình kỹ thuật;

b) Loại trừ các khả năng những vật ngoại lai rơi vào bên trong động cơ, các hệ thống;

c) Giữ nguyên và lắp đúng các dấu hiệu lắp ráp, ký hiệu của các khối máy, các đường ống, đường dây điện.

3. Trong quá trình tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa xe ô xy phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Dụng cụ để tháo lắp bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống ô xy là dụng cụ chuyên dùng, sạch sẽ, không dính dầu mỡ và không được dùng để tháo lắp các chi tiết, hệ thống khác;

b) Dầu bôi trơn dùng cho máy nén ô xy là dầu chống cháy đúng theo quy định của nhà chế tạo;

c) Hệ thống chống cháy tự động trên xe ô xy bảo đảm thường xuyên tốt đề phòng hiện tượng cháy, nổ xảy ra;

d) Bình chứa ô xy cần được bảo dưỡng đúng niên hạn do nhà chế tạo quy định;

đ) Quần áo của nhân viên bảo dưỡng sửa chữa xe ô xy, giẻ lau không được dính dầu mỡ.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

4. Trong quá trình tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa không được thực hiện các công việc sau đây:

a) Tháo, lắp các đầu ống của hệ thống thủy lực, khí nén khi trong các hệ thống có áp suất dư;

b) Tháo, lắp các đầu cắm điện khi đang có điện trong hệ thống điện;

c) Điều chỉnh, sửa chữa khi phương tiện đang phục vụ trên sân đỗ hoặc phục vụ các công tác kỹ thuật khác;

d) Hàn nóng thùng nhiên liệu, thùng chứa các loại dầu hoặc các đường ống của các hệ thống nhiên liệu, thủy lực, bôi trơn khi chưa tháo ra khỏi phương tiện.

5. Sau khi bảo dưỡng, sửa chữa, phương tiện phải được chạy thử để kiểm tra kết quả các công việc đã được tiến hành, kiểm tra các tính năng của phương tiện.

6. Người phụ trách đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa phải chịu trách nhiệm về chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện.

7. Những thay đổi về kết cấu, tính năng tác dụng của phương tiện phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 43. Tài liệu kỹ thuật của phương tiện

Tài liệu kỹ thuật của phương tiện bao gồm các loại sau đây:

1. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật;

2. Tài liệu khai thác kỹ thuật;

3. Lý lịch và hồ sơ cải tạo, thay đổi kiểu loại.

Điều 44. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật của phương tiện

1. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật là tài liệu do người chế tạo và người khai thác ban hành để hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình thiết kế, chế tạo, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật bao gồm:

a) Tài liệu hướng dẫn sử dụng;

b) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa;

c) Tài liệu huấn luyện kỹ thuật.

2. Tài liệu hướng dẫn sử dụng là tài liệu đưa ra những thông tin kỹ thuật cần thiết, những quy định, hướng dẫn cụ thể cho người điều khiển, vận hành và

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay. Tài liệu hướng dẫn sử dụng bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Loại phương tiện;

b) Giới thiệu về công dụng, thành phần các hệ thống, trong đó nêu rõ số liệu kỹ thuật từng hệ thống;

c) Giới thiệu các loại nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn, dầu thủy lực, khí nén, số lượng cần tra nạp mỗi loại;

d) Cấu tạo, nguyên lý làm việc của phương tiện, bao gồm các cụm tổng thành, các cơ cấu điều khiển: động cơ, ly hợp, hộp số, cơ cấu truyền lực, các loại đồng hồ đo, các hệ thống như thủy lực, điện, khí nén, nhiên liệu, bôi trơn, phòng chống cháy;

đ) Sơ đồ nguyên lý làm việc của các cụm và hệ thống;

e) Các sơ đồ lắp ráp, đấu dây các cụm tổng thành, các hệ thống;

g) Hướng dẫn quy trình vận hành và những yêu cầu về an toàn kỹ thuật khi vận hành;

h) Những hỏng hóc thường xảy ra, nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

3. Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay là tài liệu do nhà chế tạo biên soạn, đưa ra các thông tin và hướng dẫn cần thiết cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện. Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa bao gồm các nội dung sau đây:

a) Loại phương tiện;

b) Giới thiệu các dạng bảo dưỡng và chu kỳ tiến hành;

c) Nội dung cụ thể của từng dạng bảo dưỡng;

d) Sơ đồ bôi trơn, chu kỳ và số lượng, chủng loại dầu mỡ cần thay mới;

đ) Hướng dẫn phương pháp và trình tự tháo lắp các cụm tổng thành, các hệ thống và các chi tiết và quy định về an toàn kỹ thuật khi tháo lắp;

e) Hướng dẫn quy trình bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống, bộ phận có kèm theo sơ đồ, bản vẽ;

g) Nêu các trường hợp hỏng hóc có thể phát sinh hoặc phát hiện được trong quá trình bảo dưỡng, nguyên nhân và biện pháp khắc phục;

h) Nêu các phương pháp điều chỉnh, kiểm tra, thử nghiệm trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

i) Nêu các dụng cụ, thiết bị đo và cách sử dụng khi tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa.

4. Tài liệu huấn luyện kỹ thuật bao gồm các tài liệu được sử dụng trong giảng dạy, hướng dẫn, chuyển loại cho nhân viên kỹ thuật tại các trung tâm huấn luyện kỹ thuật hoặc các lớp huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở. Tài liệu huấn luyện kỹ thuật có thể do nhà chế tạo, người khai thác hoặc các trung tâm huấn luyện biên soạn và phê chuẩn trước khi sử dụng.

Điều 45. Tài liệu khai thác kỹ thuật của phương tiện

1. Tài liệu khai thác kỹ thuật là tài liệu cần thiết cho quá trình khai thác và quản lý kỹ thuật của phương tiện. Tài liệu khai thác kỹ thuật do nhà quản lý, khai thác phương tiện phê chuẩn và bao gồm:

a) Nhật ký kỹ thuật, biên bản kỹ thuật;

b) Tài liệu thống kê kỹ thuật;

c) Tài liệu báo cáo kỹ thuật;

d) Tài liệu báo cáo đột xuất.

2. Nhật ký kỹ thuật ghi lại tình trạng kỹ thuật hàng ngày hoặc từng ca của phương tiện.

3. Biên bản kỹ thuật ghi lại những sự cố về kỹ thuật đối với phương tiện trong quá trình khai thác.

4. Tài liệu thống kê kỹ thuật nhằm tổng hợp, đánh giá tình trạng hoạt động của phương tiện trong những chu kỳ nhất định, bao gồm các số liệu thống kê về: số giờ hoạt động, số lần làm việc, số ki lô mét đã chạy, sự cố kỹ thuật và các chỉ tiêu khác do cơ sở quy định.

5. Tài liệu báo cáo kỹ thuật là tài liệu tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động kỹ thuật của phương tiện bao gồm: báo cáo số lượng phương tiện đạt tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật và môi trường, được cấp giấy phép hoạt động; phương tiện không đạt tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật và môi trường, không được cấp giấy phép hoạt động, chờ thanh lý; phương tiện được đầu tư mới.

6. Tài liệu báo cáo đột xuất là báo cáo khi phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gây ra sự cố, hỏng hóc đối với tàu bay. Báo cáo sự cố bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên gọi và ký hiệu phương tiện gây ra sự cố;

b) Ngày, giờ, địa điểm xảy ra sự cố kỹ thuật;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Biên bản xác nhận diễn biến và hiện trạng sau khi xảy ra sự cố kỹ thuật;

d) Sơ bộ xác định nguyên nhân có thể gây ra sự cố và mức độ hư hại;

đ) Kiến nghị và biện pháp xử lý.

Điều 46. Lý lịch và hồ sơ cải tạo, thay đổi kiểu loại của phương tiện

1. Lý lịch kỹ thuật của phương tiện là tài liệu ghi lại nguồn gốc xuất xứ, tên, ký hiệu, chức năng chính, quá trình hoạt động, bảo dưỡng, sửa chữa của phương tiện.

2. Lý lịch kỹ thuật do người quản lý, khai thác phương tiện xây dựng và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên và địa chỉ của người khai thác;

b) Tên gọi, ký hiệu, số đăng ký của phương tiện;

c) Công dụng;

d) Nước sản xuất;

đ) Số khung, số máy, số các cụm tổng thành chính;

e) Ngày sản xuất, ngày sử dụng;

g) Ngày bảo dưỡng, sửa chữa.

3. Hồ sơ cải tạo, thay đổi kiểu loại phương tiện do người quản lý, khai thác xây dựng và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, ký hiệu kiểu loại phương tiện được cải tiến hoặc thay đổi kiểu loại;

b) Lý do cải tiến hoặc thay đổi;

c) Xác nhận việc cải tiến, thay đổi kiểu loại phương tiện phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ngày cấp;

đ) Người cấp.

Điều 47. Người giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Người giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải có giấy phép nhân

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhân viên giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Công văn đề nghị cấp giấy phép của đơn vị quản lý nhân viên;

b) Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị, phương tiện phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra, quyết định cấp giấy phép, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho người đề nghị.

3. Giấy phép nhân viên giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có thể bao gồm năng định của một hoặc nhiều loại thiết bị, phương tiện tương ứng theo tài liệu kỹ thuật của thiết bị, phương tiện. Hồ sơ đề nghị cấp bổ sung năng định trong giấy phép nhân viên giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Công văn đề nghị cấp năng định của đơn vị quản lý nhân viên;

b) Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị, phương tiện phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

4. Hiệu lực của giấy phép nhân viên giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay là 5 năm, trừ các trường hợp sau đây:

a) Nhân viên không làm việc liên tục tại cảng hàng không, sân bay từ 6 tháng trở lên; bị đình chỉ làm việc từ 3 tháng trở lên theo quy định tại khoản 6, Điều này;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Giấy phép bị thu hồi theo quy định tại khoản 5, Điều này.

5. Giấy phép nhân viên giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có thể bị Cục Hàng không Việt Nam thu hồi trong trường hợp giấy phép bị tẩy xoá, được sử dụng không đúng mục đích, nhân viên có hành vi vi phạm uy hiếp trực tiếp an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, có hành vi che dấu lỗi vi phạm quy định về an toàn, an ninh hàng không, nghiện ma tuý hoặc bị truy tố tội phạm hình sự.

6. Nhân viên giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có thể bị đình chỉ làm việc trong trường hợp nhân viên không được đơn vị quản lý huấn luyện theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đã được thay đổi hoặc có hành vi uy hiếp an toàn, an ninh hàng không.

7. Giấy phép nhân viên giám sát, điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, có nêu rõ lý do;

b) Giấy phép đã được cấp, trừ trường hợp mất giấy phép;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp lại giấy phép, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

8. Người điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Chỉ được thực hiện công việc được ghi trong giấy phép;

b) Tuân thủ các giới hạn tốc độ theo quy định; làm chủ tốc độ trong mọi tình huống, điều kiện; không được tăng tốc hoặc phanh đột ngột khi phương tiện tiếp cận hoặc rời khỏi tàu bay; phải quan sát trước, sau và làm chủ được tốc độ khi cho phương tiện chuyển bánh, lưu thông trên đường công vụ, chuyển hướng tiếp cận tàu bay vòng tránh, lùi sau;

c) Chấp hành hướng chạy, cách vòng tránh theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ (trừ phạm vi khu vực an toàn cho tàu bay ở trên mặt đất); tuân thủ quy định của người khai thác cảng hàng không, sân bay về tuyến và hành

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

lang, luồng chạy của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;

d) Nắm chắc các quy tắc về an toàn lao động và quy định phòng chống cháy nổ theo quy định; mặc trang phục làm việc phải đúng quy định của đơn vị;

đ) Khi điều khiển phương tiện đi lại trên khu bay phải có bộ đàm để liên lạc hai chiều và tuân thủ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu;

e) Khi có nhu cầu di chuyển trên hoặc cắt ngang qua đường cất hạ cánh, đường lăn phải được phép của kiểm soát viên không lưu; đồng thời phải liên tục giữ liên lạc và tuân theo hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu;

g) Khi điều khiển phương tiện đi lại trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay gặp sự cố hoặc bị hư hỏng thì phải báo ngay cho kiểm soát viên không lưu và nhanh chóng kéo ra khỏi khu vực đang hoạt động để sửa chữa; không được tiến hành sửa chữa trên đường lưu thông của tàu bay và các phương tiện khác;

h) Khi đã đến vị trí phục vụ, phải kéo phanh tay, chống chân hoặc chèn bánh; khi gặp biển báo hiệu dừng lại (Stop) trên đường công vụ, phải dừng lại quan sát, khi thấy không có dấu hiệu gây mất an toàn mới được đi qua;

i) Phải giảm tốc độ đến mức tối đa hoặc phải dừng các phương tiện để không gây mất an toàn trong những trường hợp sau đây: khi có tàu bay đang lăn; khi chạy trên đường công vụ đến đoạn cắt ngang qua đường lăn; khi đi ngang qua khu vực đỗ tàu bay, khu vực xếp dỡ hành lý, khu vực hành khách xuất nhập trong nước và quốc tế; khi tầm nhìn hạn chế; khi tránh xe ngược chiều hoặc cho xe sau vượt lên;

k) Xe đầu kéo không được kéo quá 4 mâm hàng và tổng chiều dài các mâm hàng không được vượt quá 6,1m (20 feet), không kể chiều dài cần kéo. Trước khi kéo phải đảm bảo thùng đựng hàng đã được đậy nắp, chốt của cần kéo đã được lắp chắc chắn, an toàn; chỉ được tháo các thùng chứa hàng (đo-ly), mâm hàng (pa-let) ra khỏi đầu kéo khi xe đầu kéo đã dừng lại hẳn; không được vừa chạy vừa xả các đo-ly, pa-let;

l) Phải bật đèn chiếu sáng (đèn cốt) và đèn xoay, không dùng đèn pha khi vận hành các loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay vào ban đêm hoặc khi trời mù, trời mưa;

m) Không được dừng trên đường công vụ hoặc đỗ sai vị trí quy định, gây ách tắc cho các loại phương tiện khác; khi cần dừng, người điều khiển phải đưa phương tiện vào nơi quy định;

n) Nghiêm cấm điều khiển phương tiện chạy cắt ngang qua khoảng cách

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

giữa xe dẫn tàu bay và tàu bay đang lăn hoặc khoảng cách giữa nhân viên đánh tín hiệu mặt đất hoặc giữa hệ thống hướng dẫn tàu bay vào điểm đỗ và tàu bay đang lăn vào bến đậu;

o) Nghiêm cấm: điều khiển phương tiện di chuyển dưới thân, cánh, động cơ tàu bay, trừ một số phương tiện có chức năng phục vụ phải di chuyển một phần phía dưới tàu bay trong quá trình phục vụ, ví dụ xe hút vệ sinh, xe cấp nước sạch, xe tra nạp nhiên liệu; điều khiển những phương tiện có độ cao trên 3,90m di chuyển dưới cầu ống dẫn khách; sử dụng các phương tiện trái với tính năng và mục đích sử dụng đã được cấp phép; người điều khiển phương tiện rời khỏi vị trí điều khiển khi động cơ đang hoạt động.

p) Khi tiếp cận tàu bay, phải tuân theo các quy tắc sau đây: chỉ được phép tiếp cận khi tàu bay đã dừng hẳn, đã chèn bánh, động cơ chính đã tắt, đèn nháy cảnh báo đã tắt, trừ trường hợp tàu bay phải có phương tiện hỗ trợ mới tắt được động cơ; tiếp cận tàu bay theo đúng thứ tự quy định; đỗ đúng vị trí theo sơ đồ phục vụ của từng loại tàu bay và không được ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác hoạt động trên khu bay; có người hướng dẫn đối với các phương tiện tiếp cận tàu bay theo hình thức lùi, trừ các phương tiện có hệ thống tự động tiếp cận tàu bay;

q) Khi đang nạp nhiên liệu lên tàu bay, các phương tiện hoạt động trên khu bay phải đỗ cách tàu bay 15m, không được khởi động động cơ;

r) Không được hút thuốc trên khu bay.

9. Người khai thác cảng hàng không ban hành, tổ chức phổ biến và giám sát việc tuân thủ quy tắc an toàn trên khu bay.

Chương VI

PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 48. Quy định chung

1. Công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tại cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Công tác phòng chống lụt bão;

b) Công tác khẩn nguy sân bay.

2. Công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tại cảng hàng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

không, sân bay được thực hiện theo quy định về phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn hàng không, tiêu chuẩn của ICAO, tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở do Cục Hàng không Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng trong ngành hàng không dân dụng.

3. Lãnh đạo của người khai thác cảng hàng không, sân bay thống nhất chỉ đạo, chỉ huy và phối hợp các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay trong công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, đối phó ban đầu hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải bảo đảm các thiết bị, phương tiện tối thiểu phục vụ công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn theo tiêu chuẩn áp dụng.

5. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo việc thiết lập hệ thống cơ sở, lực lượng phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; công tác diễn tập, ký kết văn bản hiệp đồng liên quan đến công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 49. Phòng chống lụt bão tại cảng hàng không, sân bay

1. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch phòng chống lụt bão của cảng hàng không, sân bay theo quy định;

b) Xây dựng, ký kết các văn bản hiệp đồng về công tác phòng chống lụt bão với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cảng hàng không và với chính quyền địa phương theo quy định;

c) Kiểm tra, rà soát, bổ sung, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị phòng chống lụt bão;

d) Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chằng néo, neo đỗ tàu bay tại các sân đỗ tàu bay; kiểm tra, tổ chức gia cố các cơ sở, công trình, nhà xưởng, đài trạm;

đ) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ hệ thống thoát nước tại cảng hàng không và việc kết nối giữa hệ thống thoát nước nội bộ cảng hàng không với hệ thống thoát nước bên ngoài đảm bảo không bị úng ngập trong mùa mưa bão;

e) Kiểm tra hệ thống chống sét tại các công trình, nhà ga, đài, trạm tại khu vực cảng hàng không, sân bay.

2. Trách nhiệm của các doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không, sân bay:

a) Xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống lụt bão cụ thể của đơn vị;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Kiểm tra, rà soát, bổ sung, bão dưỡng hệ thống thiết bị phục vụ công tác phòng chống lụt bão, các cơ sở, công trình, đài, trạm của đơn vị;

c) Chịu sự chỉ huy, điều động lực lượng của người khai thác cảng hàng không, sân bay trong chống lụt bão và khắc phục hậu quả.

Điều 50. Công tác khẩn nguy sân bay

1. Công tác khẩn nguy sân bay bao gồm các tình huống sau:

a) Tìm kiếm cứu nạn tàu bay lâm nạn ngoài cảng hàng không, sân bay trong khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Khẩn nguy sân bay đối với tàu bay gặp sự cố, tai nạn trong cảng hàng không, sân bay;

c) Khẩn nguy sân bay liên quan đến tình huống hạ tầng, các công trình, nhà xưởng, đài trạm của cảng hàng không, sân bay bị cháy, nổ, bị sập đổ vì bão lốc, bị can thiệp bất hợp pháp.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng kế hoạch khẩn nguy sân bay trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; xây dựng lực lượng khẩn nguy cảng hàng không, sân bay chuyên nghiệp theo đúng tiêu chuẩn, phù hợp với cấp bảo vệ sân bay; thiết lập trung tâm khẩn nguy cứu nạn là đơn vị trực và ứng phó với mọi tình huống khẩn nguy sân bay; hợp đồng phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác khẩn nguy sân bay.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay nộp kế hoạch khẩn nguy sân bay nêu tại khoản 2 của Điều này trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị phê duyệt;

b) Kế hoạch khẩn nguy sân bay;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thẩm định, ban hành quyết định phê duyệt hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Căn cứ vào kế hoạch khẩn nguy sân bay của người khai thác cảng hàng không, sân bay, các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không trên địa bàn cảng hàng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

không, sân bay xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị, đăng ký với và chịu sự quản lý, kiểm tra của người khai thác cảng hàng không, sân bay trong việc thực hiện kế hoạch khẩn nguy.

5. Kế hoạch khẩn nguy sân bay bao gồm các nội dung:

a) Mục đích của kế hoạch khẩn nguy;

b) Các cơ quan liên quan đến kế hoạch khẩn nguy;

c) Trách nhiệm, vai trò của các cơ quan, người liên quan; trung tâm khẩn nguy và khởi phát kế hoạch khẩn nguy;

d) Tên và số điện thoại liên lạc tổ chức, cá nhân là đầu mối trong các trường hợp khẩn nguy;

đ) Bản đồ ô vuông cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

e) Xử lý các tình huống khẩn nguy.

6. Kế hoạch khẩn nguy sân bay bao gồm các giai đoạn:

a) Giai đoạn khẩn nguy chờ tại chỗ;

b) Giai đoạn khẩn nguy hoàn toàn.

7. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện tìm kiếm, cứu nạn các trường hợp tàu bay bị nạn ngoài cảng hàng không, sân bay trong khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm. Khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm cụ thể được xác định trong kế hoạch khẩn nguy của từng cảng hàng không, sân bay căn cứ vào địa giới hành chính cụ thể của địa phương.

8. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chỉ huy, điều hành, phối hợp hiệp đồng các lực lượng hàng không, phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng khác trong và ngoài sân bay trong công tác khẩn nguy sân bay, công tác tìm kiếm cứu nạn trong khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm; thực hiện công tác khẩn nguy sân bay; chịu sự chỉ huy, điều hành của các lực lượng quân đội, công an trong công tác đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp theo quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quân sự, công an khi đối phó tình huống cháy nổ.

9. Người khai thác cảng hàng không, sân bay triển khai thực hiện kế hoạch khẩn nguy trong cảng hàng không, sân bay, cụ thể:

a) Triển khai các lực lượng khẩn nguy cứu nạn sẵn sàng ứng phó, tiếp cận khu vực sự cố, tai nạn;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Kích hoạt trung tâm khẩn nguy cứu nạn;

c) Thông báo cho các đơn vị hiệp đồng liên quan;

d) Dịch vụ y tế và cứu thương sẵn sàng ứng phó, tiếp cận khu vực sự cố, tai nạn;

đ) Thông báo cho người khai thác tàu bay lâm nguy, lâm nạn; thu thập thông tin liên quan đến các hàng hóa nguy hiểm trên tàu bay (ví dụ như chất nổ, khí nén và khí hóa lỏng, chất lỏng hoặc chất rắn dễ cháy, chất ô xy hóa, các chất độc, chất lây nhiễm, chất phóng xạ hay chất ăn mòn), thông báo cho những đơn vị liên quan;

e) Báo cáo Cảng vụ hàng không; thiết lập liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu liên quan đến việc đóng cửa cảng hàng không, sân bay, chỉ định hành lang bay khẩn nguy, phát hành NOTAM;

g) Các cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay được thông báo theo quy định;

h) Bộ phận khí tượng được thông báo để đưa ra thông báo khí tượng đặc biệt;

i) Bố trí để thực hiện khảo sát và chụp ảnh ngay lập tức đường cất hạ cánh bị ảnh hưởng để chỉ ra vị trí của các mảnh vỡ;

k) Trường hợp có tử vong, bộ phận khám nghiệm tử thi được thông báo và cơ sở nhà xác tạm thời được chỉ định.

10. Người khai thác cảng hàng không, sân bay triển khai thực hiện kế hoạch khẩn nguy ngoài cảng hàng không, sân bay trên cơ sở:

a) Xác định vị trí khẩn nguy;

b) Kích hoạt trung tâm khẩn nguy cứu nạn và trạm điều khiển di động (nếu có);

c) Cung cấp, huy động tối đa có thể lực lượng, phương tiện, thiết bị tìm kiếm, cứu nạn, y tế theo yêu cầu;

d) Báo cáo chính quyền địa phương, các cơ quan nhà nước có liên quan;

đ) Thông báo cho người khai thác tàu bay liên quan theo quy định.

11. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo việc xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch khẩn nguy sân bay.

Điều 51. Cấp cứu hỏa sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải duy trì đầy đủ các điều

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

kiện của cấp cứu hỏa sân bay được công bố. Cấp cứu hỏa sân bay được xác định theo tiêu chuẩn và tài liệu hướng dẫn của ICAO.

2. Cấp cứu hoả sân bay được công bố trong AIP, quy chế bay trong khu vực sân bay và trong tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay; được triển khai tới các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Cục Hàng không Việt Nam quy định cụ thể số lượng phương tiện, thiết bị tối thiểu đối với từng cấp cứu hoả cảng hàng không, sân bay; chỉ đạo thiết lập vị trí trạm cứu nạn, cứu hoả, vị trí tập kết phương tiện của cảng hàng không, sân bay; quy định việc khai thác tàu bay tại cảng hàng không, sân bay phù hợp với cấp cứu hỏa của sân bay được công bố theo tiêu chuẩn và tài liệu hướng dẫn của ICAO.

Điều 52. Yêu cầu đối với nhân viên cứu nạn, chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc và báo động, thời gian phản ứng, thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay, đường cứu nạn

1. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy phải được huấn luyện tại cơ sở đào tạo, huấn luyện chuyên ngành, theo chương trình đào tạo, huấn luyện nhân viên cứu nạn, chữa cháy phù hợp; có chứng chỉ thích hợp; tham gia các cuộc diễn tập cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không, sân bay. Chương trình huấn luyện nhân viên cứu nạn, chữa cháy phải bao gồm huấn luyện kỹ năng hành động của từng người và khả năng phối hợp trong đội.

2. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy phải được huấn luyện, sẵn sàng điều khiển các xe cứu nạn, chữa cháy và khai thác thiết bị với công suất tối đa trong quá trình hoạt động chữa cháy; hành động với thời gian phản ứng ngắn nhất và duy trì xả các chất chữa cháy liên tục theo quy định, sử dụng thành thạo dây, thang và các thiết bị cứu nạn, chữa cháy khác gắn liền với hoạt động cứu nạn, chữa cháy cho tàu bay.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải bố trí đủ số lượng nhân viên cứu hỏa phù hợp với cấp sân bay tương ứng; bố trí đầy đủ trang bị, thiết bị, dụng cụ, quần áo phòng cháy chữa cháy cho nhân viên cứu nạn, chữa cháy theo phương án phòng cháy chữa cháy của cảng hàng không, sân bay; bố trí các xe cứu nạn và chữa cháy trực đúng nơi quy định của phương án khẩn nguy sân bay; bố trí các trạm chữa cháy trung gian (trạm chữa cháy vệ tinh) để đảm bảo được thời gian phản ứng theo quy định.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải có hệ thống thông tin liên lạc trực tiếp giữa một trạm chữa cháy với đài kiểm soát tại sân bay, với các trạm chữa cháy khác trên sân bay và với các xe cứu nạn, chữa cháy; có hệ thống báo động cho bộ máy nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại trạm chữa cháy mà họ đang làm việc, tại mọi trạm chữa cháy khác trên sân bay và tại đài kiểm soát tại sân bay; đảm bảo truyền phát tin chắc chắn trong các trường hợp khẩn cấp cần thiết và thông tin hàng ngày cần có quy định về dùng điện thoại đặc biệt, thông tin vô tuyến hai chiều và các hệ thống báo động nói chung cho dịch vụ cứu nạn, chữa cháy. Tuỳ thuộc vào

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

các yêu cầu cụ thể của từng cảng hàng không, sân bay, các phương tiện thông tin phục vụ cho các mục đích sau:

a) Thông tin trực tiếp giữa nhà khai thác và trạm chữa cháy sân bay để đảm bảo báo động kịp thời và điều hành xe cứu nạn và chữa cháy và nhân viên kịp thời khi tàu bay gặp tai nạn hoặc sự cố; các tín hiệu khẩn cấp dùng để triệu tập các nhân viên không trực ca;

b) Khi cần, tập hợp được các cơ sở chính liên quan đến dịch vụ trong hoặc ngoài sân bay;

c) Duy trì thông tin bằng bộ đàm hai chiều với các xe cứu nạn và chữa cháy tại hiện trường tàu bay gặp nạn hoặc sự cố.

5. Xe cứu thương và các phương tiện y tế để vận chuyển các trường hợp thương vong từ tàu bay bị nạn phải được chỉ đạo chung bởi người có thẩm quyền của người khai thác cảng hàng không, sân bay; được dự phòng trong kế hoạch cứu nạn với mọi trường hợp xử lý các tình huống khẩn nguy.

6. Thời gian phản ứng là thời gian giữa thời điểm báo động đầu tiên đến thời điểm khi chiếc xe đầu tiên ở tư thế xả bọt với tốc độ tối thiểu là 50% tốc độ xả. Thời gian phản ứng phải bảo đảm các quy định sau:

a) Các phương tiện cứu nạn và chữa cháy phải đảm bảo thời gian phản ứng không quá 2 phút để đi đến bất cứ điểm nào của các đường cất hạ cánh đang hoạt động, trong các điều kiện tối ưu về tầm nhìn và trạng thái mặt đường;

b) Các phương tiện cứu nạn và chữa cháy phải đảm bảo thời gian phản ứng không quá 3 phút đi đến bất cứ bộ phận nào của khu bay, trong các điều kiện tối ưu về tầm nhìn và trạng thái mặt đường; để đạt mục tiêu hoạt động trên đến mức cao nhất có thể được, trong các điều kiện tầm nhìn dưới mức tối ưu, cần có chỉ dẫn cho các xe cứu nạn và chữa cháy; điều kiện tối ưu về tầm nhìn và trạng thái mặt đường được xác định cho xe cộ đi bình thường ban ngày, tầm nhìn tốt, mặt đường sạch không bị nước mưa, bẩn, v.v;

c) Hệ thống các xe cứu nạn, chữa cháy phải được bảo dưỡng để đảm bảo thiết bị làm việc hiệu quả và phù hợp với thời gian được quy định trong suốt thời gian hoạt động của xe.

7. Thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải trang bị thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay phù hợp với quy mô cảng hàng không, tần suất hoạt động của tàu bay và cấp bảo vệ sân bay;

b) Tất cả các cảng hàng không, sân bay phải được trang bị xe cứu hỏa, đáp ứng yêu cầu chữa cháy, khẩn nguy sân bay;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Sân bay phải thường trực sẵn các dịch vụ và thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay; bố trí trạm chữa cháy tại sân bay hoặc ngoài sân bay với điều kiện đáp ứng được yêu cầu về thời gian phản ứng theo quy định;

d) Khi sân bay ở gần khu vực có nước, đầm hồ hoặc ở môi trường khó khăn khác mà phần lớn các hoạt động tiếp cận hay cất cánh được tiến hành phía trên các khu vực đó, cần phải có thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay thích hợp.

8. Đường cứu nạn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Khi điều kiện đất đai cho phép, cảng hàng không, sân bay phải có đường cứu nạn để đảm bảo thời gian chữa cháy, khẩn nguy sân bay theo quy định; ưu tiên sử dụng đường, sân và các khu vực tiếp cận đến cách ngưỡng đường cất hạ cánh 1000 m hoặc ít nhất trong đường vành đai sân bay; nếu có hàng rào thì cần có lối ra các khu vực bên ngoài sân bay; các đường công vụ có thể dùng làm đường cứu nạn nếu chúng được xây dựng phù hợp;

b) Các đường cứu nạn phải chịu được tải trọng của các xe có tải trọng lớn nhất được phép hoạt động trên sân bay đi qua và dùng được trong mọi điều kiện thời tiết; các đường trong phạm vi 90 m của đường cất hạ cánh cần có lớp phủ bề mặt để chống xói mòn bề mặt và không làm bẩn đường cất hạ cánh; bảo đảm tĩnh không cho các xe lớn nhất;

c) Khi bề mặt đường cứu nạn không phân biệt được với các khu vực xung quanh hoặc khi bị bùn đất, cây cỏ che lấp thì phải đặt mốc cạnh đường cách nhau khoảng 10 m.

9. Ở các cảng hàng không, sân bay ở các vùng có địa hình đặc biệt, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải trang bị các thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay phù hợp.

Điều 53. Phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, các tổ chức hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay phải xây dựng nội quy phòng chống cháy nổ, phương án phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, trong đó có các nội dung sau:

a) Tình huống cháy lớn phức tạp nhất và một số tình huống cháy đặc trưng khác, dự báo khả năng phát triển của đám cháy;

b) Kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện, tổ chức chỉ huy, áp dụng các biện pháp kỹ, chiến thuật chữa cháy, thoát nạn phù hợp với từng giai đoạn và từng tình huống cháy;

c) Kế hoạch hợp đồng phối hợp với các đơn vị quân đội, công an và các

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đơn vị liên quan khác trên địa bàn khi có tình huống xảy ra cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay quản lý tập trung lực lượng phòng chống cháy nổ, huy động từ các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay; tổ chức lực lượng tại chỗ đủ mạnh, thường xuyên duy trì chế độ huấn luyện phương pháp chữa cháy, cách sử dụng các phương tiện chữa cháy được trang bị; bố trí nhân viên kiểm tra công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy thường xuyên và đặc biệt chú ý trong các mùa thời tiết khô hanh và ban đêm; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện phòng chống cháy nổ.

3. Nội dung huấn luyện phòng chống cháy nổ phải phù hợp với đặc thù tính chất nguy hiểm cháy của cơ sở. Đối với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại các sân bay ngoài các nội dung huấn luyện chữa cháy khẩn nguy trên sân bay cần đi sâu học tập các chiến thuật chữa cháy tại các khu vực trong nhà ga.

4. Thiết kế nhà ga về phòng cháy chữa cháy phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Việc sửa chữa, cải tạo công trình làm thay đổi công năng sử dụng so với thiết kế ban đầu thì phải được cơ quan phòng cháy chữa cháy thẩm định và phê duyệt. Nhà ga phải có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của đơn vị, cơ sở, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định. Thiết bị phòng cháy chữa cháy phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm định và phê chuẩn.

5. Việc đun nấu bằng ga trong khu vực nhà ga phải được phép của người khai thác cảng hàng không, sân bay. Mỗi vị trí được phép nấu bằng ga chỉ được để không quá 40kg gas. Cấm để bình ga trong khu vực công cộng của nhà ga.

6. Cấm hút thuốc lá trên toàn bộ cảng hàng không, sân bay trừ những khu vực dành riêng để hút thuốc.

7. Xưởng sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay phải có hệ thống thiết bị phòng cháy, chữa cháy tự động, hệ thống phòng chống cháy nổ đối với tàu bay.

8. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không phải có hệ thống kho, bồn chứa, phương tiện vận chuyển, tra nạp và cơ sở hoá nghiệm xăng dầu đáp ứng tiêu chuẩn quy định, được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền kiểm định và cấp phép; có phương án phòng chống cháy, nổ được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền phê duyệt.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

9. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không phải có phương án đối phó trong trường hợp có sự cố thiên tai, tràn dầu ảnh hưởng đến môi trường, phương án và hệ thống thu gom, xử lý dầu thải, dầu tràn; có văn bản hiệp đồng với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn đối với việc xử lý sự cố cháy nổ, tràn dầu.

Chương VII

BẢO ĐẢM KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 54. Kiểm soát và giảm thiểu tác hại của chim, động vật hoang dã, vật nuôi

1. Việc kiểm soát và giảm thiểu tác hại của chim, động vật hoang dã, vật nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, tiêu chuẩn của ICAO, quy định của Thông tư này, tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở do Cục Hàng không Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng trong ngành hàng không dân dụng.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan, có trách nhiệm:

a) Khảo sát, lập sổ theo dõi tình trạng chim và động vật hoang dã cư trú tại địa bàn cảng và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay bao gồm: chủng loại, số lượng theo tháng, mùa;

b) Đánh giá các tác động, yếu tố về môi trường tại cảng và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay thu hút sự xuất hiện của chim và động vật hoang dã;

c) Khảo sát, nắm tình hình vật nuôi tại địa bàn cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận;

d) Lập sổ theo dõi các vụ uy hiếp an toàn bay do chim, động vật hoang dã, vật nuôi gây ra bao gồm các yếu tố: loài, thời gian xảy ra, phân loại đánh giá sự nguy hiểm của từng loài;

đ) Ban hành và tổ chức thực hiện chương trình phòng chống chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại từng cảng hàng không, sân bay;

e) Xem xét việc triển khai các dự án, các công trình nhằm ngăn chặn, hạn chế việc thu hút chim, động vật hoang dã tại cảng hàng không, sân bay; ngăn chặn việc nuôi động vật tại cảng hàng không, sân bay; ngăn chặn việc xâm nhập của vật nuôi vào cảng hàng không, sân bay;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

g) Báo cáo thường kỳ, hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu với Cục Hàng không Việt Nam về kết quả thống kê, khảo sát, đánh giá ảnh hưởng của chim, động vật hoang dã, vật nuôi tới hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay.

3. Chương trình phòng chống chim và động vật hoang dã, chống xâm nhập của động vật nuôi vào cảng hàng không, sân bay phải được thông báo tới các đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 55. Quản lý chướng ngại vật hàng không

1. Việc quản lý chướng ngại vật hàng không tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo Điều 92 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Nghị định 20/2009/NĐ-CP ngày 23/2/2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam, tiêu chuẩn của ICAO.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm quản lý chướng ngại vật hàng không theo quy định của pháp luật, phối hợp với đơn vị của Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan xác định, công bố công khai:

a) Các bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay cho từng sân bay dân dụng, sân bay dùng chung;

b) Khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của các đài, trạm bảo đảm hoạt động bay;

c) Giới hạn chướng ngại vật của khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

d) Danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến hoạt động an toàn của hoạt động bay.

3. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm:

a) Xây dựng bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay báo cáo Cục Hàng không Việt Nam; tổ chức đo đạc, lập bản đồ chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam;

b) Phối hợp với người khai thác cảng hàng không, sân bay, chính quyền địa phương các cấp, đơn vị quân sự triển khai việc quản lý bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không được công bố, ngăn ngừa và xử lý các công trình vi phạm bề mặt giới hạn chướng ngại vật ảnh hưởng đến hoạt động bay dân dụng; tuyên truyền, phổ biến tới các cơ quan, đoàn thể, cộng đồng dân cư nơi có cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không để tham gia duy trì,

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

quản lý các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động bay;

c) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý chướng ngại vật.

4. Bề mặt chướng ngại vật phải được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1/10.000 hoặc tỉ lệ 1/20.000 với các thông số sau: bề mặt chuyển tiếp; bề mặt ngang trong; bề mặt hình nón; bề mặt tiếp cận.

5. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm theo dõi và phát hiện các trường hợp vi phạm tĩnh không sân bay để thông báo cho Cảng vụ hàng không và phối hợp giải quyết.

Điều 56. Quản lý việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay

1. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình, lắp đặt thiết bị của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với mục đích sử dụng, quy hoạch cảng hàng không sân bay đã được phê duyệt. Kế hoạch xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay phải được thông báo cho Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình, lắp đặt thiết bị của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay mà có kế hoạch ngừng cung cấp dịch vụ tại đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa trên 24 giờ phải được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận.

3. Người khai thác công trình, thiết bị gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận kế hoạch xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay nêu tại khoản 2 của Điều này trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Công văn đề nghị bao gồm các thông tin chính: căn cứ, mục đích, nội dung, địa điểm thực hiện công việc; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc thực hiện công việc;

b) Phương án tổ chức thi công; bảo đảm hoạt động khai thác;

c) Văn bản đồng ý của người khai thác cảng hàng không, sân bay (trường hợp người khai thác công trình, thiết bị không phải là người khai thác cảng hàng không, sân bay);

d) Các tài liệu cần thiết khác;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối chấp thuận cho người đề nghị. Văn bản chấp thuận được gửi cho người đề nghị, Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

4. Sau khi được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận bằng văn bản, người khai thác công trình, thiết bị phải thông báo nội dung công việc bằng văn bản đến Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, sân bay 24 giờ trước khi thực hiện. Nội dung thông báo bao gồm: nội dung công việc; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; địa điểm thực hiện; tổng số người và các loại phương tiện tham gia.

5. Đối với việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình, lắp đặt thiết bị của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay mà có kế hoạch ngừng cung cấp dịch vụ tại đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, nhà ga hành khách, hàng hóa dưới 24 giờ, người khai thác công trình, thiết bị phải thống nhất kế hoạch với người khai thác cảng hàng không, sân bay và thông báo cho Cảng vụ hàng không trước 7 ngày. Nội dung thông báo bao gồm: căn cứ, mục đích, nội dung, địa điểm thực hiện công việc; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc thực hiện công việc; tổng số người và các loại phương tiện tham gia. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cảng hàng không, sân bay; phạm vi cung cấp dịch vụ hàng không được cấp phép; các yếu tố bảo đảm an toàn, an ninh hàng không, Cảng vụ hàng không có quyền yêu cầu điều chỉnh kế hoạch thực hiện bằng văn bản, có nêu rõ lý do. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thông báo kế hoạch thực hiện chính thức cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay liên quan.

6. Đối với các trường hợp đột xuất cần thực hiện ngay việc sửa chữa, ngừng khai thác công trình, lắp đặt thiết bị hoặc các công việc khác trên kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay để khắc phục sự cố, đảm bảo an toàn khai thác, người khai thác cảng hàng không, sân bay tổ chức tiến hành ngay hoặc cho phép đơn vị cung cấp dịch vụ khác tiến hành và thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng không và các đơn vị liên quan khác đến hoạt động bay để phối hợp giải quyết.

7. Người khai thác công trình, thiết bị phải bảo đảm thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, cảnh quan cảng hàng không, sân bay theo quy định trong khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay; đơn vị thi công trong khu vực hạn chế phải xây

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

dựng biện pháp tổ chức thi công được người khai thác cảng hàng không, sân bay chấp thuận.

8. Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành và tổ chức thực hiện quy chế về công tác quản lý xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, lắp đặt thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay. Quy chế phải được thông báo cho Cảng vụ hàng không, các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn cảng hàng không, sân bay và các tổ chức, cá nhân khi tham gia thực hiện thi công công trình.

9. Người phụ trách thi công công trình tại khu bay phải được trang bị bộ đàm để liên lạc với Đài chỉ huy và chịu sự hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu.

Điều 57. Thông tin liên lạc vô tuyến điện tại cảng hàng không, sân bay

1. Việc thông tin liên lạc bằng các thiết bị vô tuyến điện tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tần số vô tuyến điện, pháp luật về hàng không dân dụng.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng các thiết bị thông tin vô tuyến điện tại cảng hàng không, sân bay sau khi được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải thông báo việc sử dụng với Cảng vụ hàng không.

Điều 58. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

1. Các dự án quy hoạch, đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay phải được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và được kiểm tra, giám sát việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về hàng không dân dụng, các tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay; tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, thực hiện phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong phạm vi mình quản lý, chịu trách nhiệm về những hành vi gây tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm chung về quản lý và bảo vệ môi trường tại cảng hàng không sân bay, có trách nhiệm:

a) Tổ chức bộ phận hoặc người có chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý về công tác bảo vệ môi trường;

b) Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

trường, các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường đến các đơn vị, cán bộ, nhân viên hoạt động tại cảng hàng không, sân bay;

c) Lập đề án bảo vệ môi trường tổng thể của cảng hàng không, sân bay, trình Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương phê duyệt theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đóng trên địa bàn cảng hàng không, sân bay xây dựng đề án của mình phù hợp với đề án tổng thể của cảng hàng không, sân bay;

d) Lập sổ đăng ký chủ nguồn thải (nếu có phát sinh chất thải nguy hại); xin giấy phép khai thác nước ngầm, giấy phép xả thải theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức quản lý, kiểm soát việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại cảng hàng không, sân bay bằng phương thức thích hợp, phù hợp với quy định của pháp luật; quy hoạch các vị trí tập kết chất thải trên địa bàn; bảo đảm có đủ thiết bị chuyên dùng để tiếp nhận, thu gom chất thải rắn tại nguồn; xây dựng các quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn, các trạm xử lý nước thải, chất thải, lò đốt chất thải trên cảng hàng không (nếu có) và triển khai thực hiện cho các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn;

e) Quy định phân loại cụ thể tất cả các chất thải trên cảng hàng không, sân bay, đặc biệt các chất thải từ tàu bay phải được phân loại ngay tại nguồn (chất thải có thể tái chế, chất thải phải chôn lấp, tiêu hủy);

g) Đăng ký và tổ chức nộp phí khai thác nước ngầm, phí xả nước thải tại cảng hàng không, sân bay; hướng dẫn việc sử dụng nước ngầm, xả nước thải, nộp phí khai thác nước ngầm, phí xả nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn cảng hàng không, sân bay;

h) Chủ động thực hiện các giải pháp ngăn ngừa và bảo vệ môi trường, tránh để ra các sự cố đáng tiếc về môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường và phương án tổ chức, xử lý khi xảy ra các sự cố về môi trường trong khu vực làm việc và trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

i) Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình bảo vệ môi trường về Cục Hàng không Việt Nam.

5. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm:

a) Lập các đề án bảo vệ môi trường phù hợp với đề án tổng thể của người khai thác cảng hàng không, sân bay, được người khai thác cảng hàng không, sân bay chấp thuận;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Lập sổ đăng ký chủ nguồn thải (nếu có phát sinh chất thải nguy hại);

c) Tổ chức việc gom, vận chuyển, xử lý chất thải đối với nguồn thải của mình theo quy định;

d) Thực hiện các hướng dẫn, yêu cầu của người khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định.

6. Chỉ các công ty thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải đã được cấp phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới được ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải tại cảng hàng không, sân bay.

7. Các chất thải rắn, lỏng, khí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh phải được kiểm soát từ lúc xả thải, thu gom, vận chuyển và xử lý; không vứt, đổ chất thải bừa bãi trong khu vực cảng hàng không, sân bay và khu dân cư lân cận. Các nhà hàng phải có biện pháp khử, hút mùi, không để mùi đồ ăn lan sang các khu vực xung quanh.

8. Sử dụng hóa chất diệt côn trùng trên tàu bay phải theo danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng do Bộ Y tế quy định.

9. Các máy soi chiếu hành lý, hàng hóa hoạt động phải được kiểm tra về bức xạ và được cấp phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Khuyến khích sử dụng phương tiện, thiết bị thân thiện với môi trường.

11. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn, chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 59. Yêu cầu đối với việc phòng chống dịch bệnh

1. Phương tiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không, tuân theo các chỉ lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhà ga hành khách phải được đảm bảo các điều kiện vệ sinh phòng bệnh thông thường; trong trường hợp có dịch bệnh phải được tăng cường vệ sinh, khử trùng thường xuyên bằng hoá chất diệt khuẩn được phép sử dụng theo quy định của Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế, Bộ Y tế, bố trí đủ dung dịch sát khuẩn hoặc xà phòng rửa tay tại các khu vệ sinh.

3. Trong trường hợp có dịch bệnh lây lan, hành khách phải được yêu cầu hoàn thành đầy đủ giấy khai báo y tế theo quy định theo mức độ cảnh báo dịch của Bộ Y tế; hành khách được giám sát tình trạng sức khỏe, đo thân nhiệt hoặc áp

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

dụng các biện pháp kiểm tra, xử lý y tế khác theo quy định của pháp luật. Địa điểm kiểm tra được quy định như sau:

a) Đối với hành khách đến: trên tàu bay hoặc trước khi vào nhà ga; hoặc trong nhà ga nhưng trước khi làm các thủ tục liên quan khác;

b) Đối với hành khách đi: trong nhà ga trước khi lên tàu bay.

4. Trong trường hợp có dịch bệnh lây lan, tùy mức độ cảnh báo dịch của Bộ Y tế, tàu bay thực hiện chuyến bay quốc tế, chuyến bay nội địa phải được khử trùng bằng hoá chất diệt khuẩn được phép sử dụng theo quy định của Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế, Bộ Y tế. Việc khử trùng được thực hiện như sau:

a) Tàu bay, người, hàng hóa có dấu hiệu mang dịch truyền nhiễm nhóm A thì tàu bay phải được cách ly, kiểm tra và xử lý y tế trước khi làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh;

b) Khi phát hiện hành khách có dấu hiệu mang bệnh truyền nhiễm nhóm A thì phải tiến hành khử trùng tàu bay trước khi cho hành khách ra khỏi máy bay.

5. Tại cảng hàng không quốc tế thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh dưới sự chủ trì, điều hành của cơ quan kiểm dịch y tế biên giới tại cảng, với sự tham gia của lãnh đạo Cảng vụ hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không; tại các cảng hàng không không có trạm kiểm dịch y tế, Cảng vụ hàng không phối hợp với người khai thác cảng hàng không, sân bay, cơ quan y tế địa phương để:

a) Triển khai thực hiện các biện pháp cần thiết, các hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc phòng chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không;

b) Ban hành phương án phòng chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không, quy trình xử lý cụ thể khi phát hiện có người nghi nhiễm dịch bệnh, trên nguyên tắc ưu tiên tuyệt đối cho quy trình xử lý y tế, đơn giản hoá thủ tục hàng không, thủ tục xuất nhập cảnh, hải quan theo quy định;

c) Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân viên tại cảng hàng không, sân bay về công tác phòng chống dịch bệnh, vì sức khoẻ cộng đồng.

6. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì thực hiện các phương án hỗ trợ: bố trí vị trí đỗ tàu bay phải cách ly; bố trí vị trí đặt thiết bị kiểm tra y tế, bố trí luồng tuyến vào ra cho hành khách tại cảng hàng không, sân bay; bố trí khu vực cách ly cho hành khách bị nghi ngờ hoặc mắc bệnh truyền nhiễm lây lan

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

theo yêu cầu; bảo đảm an ninh, hỗ trợ thực hiện các biện pháp bắt buộc đối với người, phương tiện; hỗ trợ về phục vụ kiểm dịch y tế, sát khử trùng, vệ sinh môi trường, phương tiện vận chuyển; huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay trong việc thực hiện các biện pháp cấp bách phục vụ chống dịch bệnh lây lan.

7. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không tăng cường công tác tuyên truyền cho hành khách khai báo tờ khai y tế một cách đầy đủ, chính xác, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc phòng chống dịch bệnh lây lan; thông báo kịp thời cho các cơ quan có trách nhiệm về các chuyến bay xuất phát hoặc có hạ cánh tại các khu vực dịch bệnh truyền nhiễm lây lan; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết hành khách bị nghi ngờ hoặc mắc dịch bệnh truyền nhiễm lây lan.

8. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành hàng không triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới, Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế, quy định, chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế.

Điều 60. Hoạt động quảng cáo

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay tổ chức thực hiện hoạt động quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định của Điều này.

2. Không được phép:

a) Đặt biển quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, kiến trúc nhà ga hoặc vi phạm các quy định về quyền hoạt động kinh doanh;

b) Đặt biển quảng cáo tại khu bay, vị trí cửa thoát hiểm;

c) Đặt biển quảng cáo ảnh hưởng đến công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông;

d) Sử dụng tờ rơi, âm thanh để quảng cáo trong và ngoài nhà ga ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay;

đ) Lắp các đèn hiệu, biển quảng cáo có sử dụng đèn xoay, đèn laze và các thiết bị chiếu sáng gây ảnh hưởng đến hoạt động bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

e) Quảng cáo bằng khinh khí cầu, bóng bay, diều và các vật thể bay khác trong khu vực cảng hàng không, sân bay.

3. Việc quảng cáo trên phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay không được trái với quy

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

định liên quan đến việc sơn, màu sơn của các phương tiện, thiết bị đã được quy định.

4. Các bảng quảng cáo trong khu vực nhà ga phải được làm bằng chất liệu khó cháy.

5. Người quản lý khai thác kết cấu hạ tầng nơi đặt quảng cáo chịu trách nhiệm về việc phòng cháy chữa cháy, an toàn cho dịch vụ quảng cáo.

Điều 61. Phân bổ giờ cất hạ cánh

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức khảo sát, công bố cảng hàng không, sân bay được điều phối, công bố giới hạn khai thác của cảng hàng không, sân bay được điều phối theo quy định của pháp luật.

2. Cục Hàng không Việt Nam phân bổ giờ hạ, cất cánh tại các cảng hàng không, sân bay; phê duyệt lịch bay trên cơ sở giới hạn khai thác cảng hàng không, sân bay, sử dụng hướng dẫn điều phối lịch bay của IATA. Việc phê duyệt lịch bay quá giới hạn khai thác được công bố phải căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cung ứng dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không liên quan để đảm bảo chuyến bay được phục vụ bình thường theo quy định.

3. Giới hạn khai thác cảng hàng không, sân bay là giới hạn nhỏ nhất trung bình theo khảo sát, tính theo số lượng hành khách thông qua và/hoặc số chuyến bay có thể phục vụ được trong một giờ cao điểm, của 4 giới hạn khai thác trong quy trình phục vụ hành khách và quy trình phục vụ tàu bay sau đây:

a) Giới hạn khai thác nhà ga;

b) Giới hạn khai thác sân đỗ;

c) Giới hạn khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn;

d) Giới hạn dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

4. Thủ tục, thời hạn xác nhận giờ hạ, cất cánh tại các cảng hàng không, sân bay được điều phối thực hiện theo tài liệu Hướng dẫn lịch bay toàn cầu (Worldwide Scheduling Guidelines) được cập nhật của IATA. Trường hợp không sử dụng tài liệu nêu trên, hãng hàng không có nhu cầu khai thác các chuyến bay thường lệ đến, đi từ các cảng hàng không, sân bay được điều phối của Việt Nam gửi đơn bằng điện văn, qua bưu điện hoặc trực tiếp đến Cục Hàng không Việt Nam đề nghị xác nhận giờ hạ, cất cánh tối thiểu 30 ngày trước ngày dự định bắt đầu khai thác chuyến bay. Đơn đề nghị xác nhận giờ hạ, cất cánh theo mẫu tại phụ lục 5 của Thông tư này.

5. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đơn đề nghị xác nhận, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, xác nhận giờ hạ, cất cánh bằng văn bản, qua điện văn, hoặc thông báo từ chối xác nhận.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Điều 62. Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển

1. Phương án di chuyển tàu bay hư hỏng trên khu bay phải được quy định trong Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Tàu bay bị hỏng hóc, mất khả năng di chuyển nằm trong khu vực có hoạt động bay cần phải được di dời đi nơi khác để không ảnh hưởng đến hoạt động hàng không bình thường. Việc di dời tàu bay mất khả năng di chuyển thuộc trách nhiệm của người khai thác tàu bay. Người khai thác tàu bay phải tổ chức di dời tàu bay bị sự cố theo yêu cầu và chỉ đạo của người khai thác cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp người khai thác tàu bay không đủ khả năng để tổ chức di dời, người khai thác cảng hàng không sẽ đứng ra tổ chức di dời với chi phí di dời do người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm thanh toán.

3. Phương tiện được dùng để di dời tàu bay mất khả năng di chuyển gồm:

a) Thiết bị để nâng nhấc: cần cẩu, dây móc để móc cần cẩu, kích;

b) Phương tiện, thiết bị để kéo đẩy: xe kéo đẩy, cần kéo;

c) Dụng cụ để kê đỡ: gỗ lát sàn, tấm lát;

d) Các vật dụng khác: nhà bạt, dây thừng, cọc neo, cưa, xà beng, kìm.v.v.;

đ) Bộ túi nâng (lifting bags) nên được sử dụng để tránh cho tàu bay không bị hư hỏng thêm trong quá trình nâng nhấc.

4. Tổ chức di dời tàu bay mất khả năng di chuyển tại sân bay cần theo các bước thứ tự như sau:

a) Xác định điều kiện mức độ hư hại của tàu bay bị tai nạn vào thời điểm sớm nhất để thông báo yêu cầu tới công ty cung cấp dịch vụ di dời nhanh chóng có mặt phục vụ theo hợp đồng đã được thoả thuận và dự kiến trước các phương án để phối hợp thực hiện di dời; thông báo cho cơ quan điều tra tai nạn, công ty bảo hiểm có mặt tại hiện trường;

b) Thiết lập đường để cho các loại xe đặc chủng ra, vào phục vụ việc di dời tàu bay;

c) Tháo nguồn ắc quy hoặc tháo dây tiếp mát, cô lập tại chỗ, tháo nguồn ra khỏi thanh dẫn điện; tổ chức thông gió phần bên trong tàu bay, kiểm tra dập tắt lửa những chỗ còn cháy khói, tẩy rửa các chất lỏng, bẩn cả bên trong khoang tàu bay và trên mặt đất trước khi di dời tàu bay đi. Tiến hành giảm trọng lượng tàu bay như rút dầu, giải toả hàng hoá và tháo bớt những bộ phận có thể tháo của tàu bay để giảm trọng lượng, tạo điều kiện cho việc nâng nhấc tàu bay đi;

d) Chuẩn bị đón đưa chuyên gia và các thiết bị phục vụ di dời của công ty

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

dịch vụ đã thuê để đưa ra hiện trường; chuẩn bị sẵn sàng các lực lượng, phương tiện cùng phối hợp với công ty dịch vụ thực hiện các bước di dời;

đ) Tổ chức nâng nhấc, sửa chữa phục hồi theo phương án đã được phê duyệt;

e) Sau khi đã di dời tàu bay mất khả năng di chuyển ra khỏi khu vực, tổ chức san gạt, thu dọn mặt bằng và kiểm tra tổng hợp; nếu đảm bảo đủ điều kiện an toàn, đưa đường cất hạ cánh vào khai thác theo quy định.

5. Những điều cần chú ý trong thời gian tổ chức di dời:

a) Xe cứu hỏa và cứu thương phải trực tại địa điểm sẵn sàng làm nhiệm vụ;

b) Phải đảm bảo thông tin liên lạc với đài kiểm soát tại sân bay và với các cơ quan liên quan để không ảnh hưởng đến hoạt động bay của đường cất hạ cánh còn lại;

c) Tổ chức di dời không làm tàu bay hư hỏng thêm, trừ trường hợp có ý kiến của chủ tàu bay hay người khai thác tàu bay trong trường hợp tàu bay bị hư hại nhiều không còn khả năng phục hồi sửa chữa;

d) Chọn địa điểm di dời tàu bay đến nơi thuận lợi và có khả năng phải lưu lại một thời gian dài;

đ) Nghiêm cấm hút thuốc lá tại hiện trường và khu vực phụ cận;

e) Di dời tàu bay đi phải được phép của cơ quan điều tra tai nạn.

6. Trong kế hoạch hiệp đồng sẵn sàng xử lý khi có tình trạng tàu bay mất khả năng di chuyển xảy ra tại cảng hàng không cần phải nêu rõ địa điểm của ban chỉ huy hiện trường, các số điện thoại quan trọng và chỉ dẫn các đường ra, vào của các phương tiện phục vụ di dời tàu bay.

Chương VIII

KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 63. Kinh doanh cảng hàng không

1. Toàn bộ kết cấu hạ tầng của một cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý khai thác của một người khai thác cảng hàng không, sân bay được cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay quy định tại Điều 15 của Thông tư này đồng thời là giấy phép kinh doanh cảng hàng không, giấy

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay của doanh nghiệp cảng hàng không.

3. Phạm vi hoạt động của doanh nghiệp cảng hàng không:

a) Quản lý, tổ chức khai thác đồng bộ kết cấu hạ tầng cảng hàng không, thiết bị của cảng hàng không, sân bay;

b) Bảo đảm an ninh hàng không; độc quyền cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không;

c) Cung cấp dịch vụ hàng không;

d) Bảo đảm công tác khẩn nguy sân bay;

đ) Ký hợp đồng giao kết khai thác theo quy định với doanh nghiệp được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

e) Tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không; quyết định cho tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình bằng hình thức đấu thầu để cung cấp dịch vụ phi hàng không.

Điều 64. Cung cấp dịch vụ hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam xem xét cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay căn cứ vào quy hoạch phát triển cảng hàng không, sân bay, quy định của pháp luật liên quan đến loại hình dịch vụ tương ứng, sự đáp ứng của kết cấu hạ tầng và khả năng cung ứng của các đơn vị hiện tại theo hướng chống độc quyền cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định của pháp luật về bảo đảm hoạt động bay đồng thời là giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không cung cấp dịch vụ trong phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; ký hợp đồng giao kết khai thác và phí nhượng quyền khai thác theo quy định với doanh nghiệp cảng hàng không.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải có phương án dự phòng để bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, không làm gián đoạn đến hoạt động hàng không, được phép thực hiện việc ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Việc đơn phương ngừng cung cấp dịch vụ phải được báo trước cho Cục Hàng không Việt Nam tối thiểu là 7 ngày làm việc trước ngày dự kiến ngừng cung cấp dịch vụ.

5. Hợp đồng giao kết khai thác có các nội dung chính sau:

a) Tên dịch vụ cung cấp (căn cứ giấy phép cung cấp dịch vụ);

b) Quy mô và phương án kinh doanh (căn cứ giấy phép cung cấp dịch vụ);

c) Đăng ký chất lượng dịch vụ;

d) Phí nhượng quyền;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên về bảo đảm an toàn, an ninh, môi trường và các vấn đề khác;

e) Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

6. Hãng hàng không có quyền tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không được phép tại cảng hàng không, sân bay. Trường hợp người khai thác cảng hàng không, sân bay chỉ định người cung cấp dịch vụ hàng không cho hãng hàng không vì lý do an toàn hàng không, an ninh hàng không phải được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận căn cứ vào các yếu tố sau đây:

a) Khả năng đáp ứng của kết cấu hạ tầng;

b) Yêu cầu thực hiện các biện pháp an ninh hàng không đặc biệt.

7. Người khai thác cảng hàng không, sân bay nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nêu tại khoản 6 của Điều này trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Công văn đề nghị chấp thuận của người khai thác cảng hàng không, sân bay, trong đó giải trình các yếu tố nêu tại các điểm a, b khoản 6 của Điều này;

b) Các tài liệu chứng minh sự ảnh hưởng tới an toàn, an ninh hàng không;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được công văn đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản chấp thuận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối chấp thuận cho người khai thác cảng hàng không, sân bay.

8. Người sử dụng dịch vụ có quyền thực hiện đánh giá dịch vụ hàng không được cung cấp tại cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn áp dụng. Kết quả đánh giá theo tiêu chuẩn an toàn, an ninh hàng không phải được gửi cho Cục Hàng không Việt Nam để giám sát, xử lý theo quy định.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

9. Việc cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo tiêu chuẩn của ICAO, quy định của Thông tư này, tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở do Cục Hàng không Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng trong ngành hàng không dân dụng.

10. Cầu hành khách được sử dụng cùng các dịch vụ kỹ thuật đồng bộ kèm theo tại cầu hành khách. Trong trường hợp có sự cố kỹ thuật đối với cầu hành khách, việc sử dụng dịch vụ kỹ thuật được thực hiện theo thỏa thuận giữa người sử dụng và đơn vị được phép cung ứng dịch vụ tại sân bay.

Điều 65. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không được nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo mẫu tại phụ lục 4);

b) Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Tài liệu chứng minh về bộ máy tổ chức, đội ngũ nhân viên được cấp chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

d) Bản chính văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh về số vốn của doanh nghiệp;

đ) Phương án về trang bị, thiết bị và các yếu tố cần thiết khác để bảo đảm khai thác, kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không của doanh nghiệp;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra các điều kiện cấp giấy phép, cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho người đề nghị.

2. Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, có nêu rõ lý do;

b) Giấy phép đã được cấp, trừ trường hợp mất giấy phép;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp lại giấy phép, hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

3. Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không có giá trị cho đến khi bị thu hồi theo quy định tại Điều 67 của Thông tư này.

4. Mẫu giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không quy định tại phụ lục 3 của Thông tư này.

Điều 66. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, giám sát việc thực hiện các điều kiện cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không trong các trường hợp sau đây:

a) Người đề nghị cấp giấy phép cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp giấy phép;

b) Người được cấp giấy phép vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường;

c) Người được cấp giấy phép không thực hiện khuyến cáo của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường.

Điều 67. Cung cấp dịch vụ phi hàng không

1. Việc cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện trên nguyên tắc phi độc quyền.

2. Doanh nghiệp cảng hàng không tổ chức việc cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không đáp ứng nhu cầu, phù hợp với tính chất, quy mô và điều kiện cơ sở hạ tầng của cảng hàng không, sân bay; hiệp thương thống nhất, kiểm soát việc niêm yết công khai và tuân thủ giá dịch vụ phi hàng không theo quy định.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không phải đăng ký chất lượng, giá sản phẩm, dịch vụ với Cảng vụ hàng không, cam kết cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đúng chất lượng, giá đã đăng ký, bảo đảm văn minh, lịch sự, chu đáo.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không nộp hồ sơ trực tiếp đến Cảng vụ hàng không hoặc đại diện Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không nơi cung cấp dịch vụ bao gồm những tài liệu sau:

a) Bản đăng ký chất lượng sản phẩm, dịch vụ, trong đó cam kết cung cấp

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

sản phẩm, dịch vụ theo đúng chất lượng đã đăng ký;

b) Bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c) Văn bản của doanh nghiệp cảng hàng không chấp nhận doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không.

Hồ sơ được coi là đăng ký sau 7 ngày tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Căn cứ vào điều kiện thực tế của cảng hàng không, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức hiệp thương, chỉ định và phân bổ mặt bằng cung cấp dịch vụ phi hàng không tại nhà ga gắn liền với quy trình phục vụ hành khách trong dây chuyền vận chuyển hàng không cho hãng hàng không Việt Nam; giám sát việc tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không đáp ứng nhu cầu của cảng hàng không; đình chỉ việc cung cấp dịch vụ phi hàng không đối với tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật.

Chương IX

BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 68. Yêu cầu đối với việc thiết kế, xây dựng cảng hàng không, sân bay

1. Có hệ thống hàng rào vành đai, vật ngăn cách các khu vực trong nhà ga, giữa khu vực công cộng với các khu vực hạn chế, hệ thống thiết bị kiểm tra, giám sát an ninh để ngăn ngừa việc đưa trái phép vũ khí, thiết bị nổ, vật phẩm nguy hiểm vào sân bay hoặc đưa lên tàu bay;

2. Bảo đảm sự tách riêng giữa hành khách đã được kiểm tra soi chiếu an ninh với hành khách chưa kiểm tra, soi chiếu an ninh;

3. Bảo đảm an toàn cho người, hành lý, hàng hoá, thư, bưu phẩm, bưu kiện, vật dụng và phương tiện ra vào hoạt động phục vụ chuyến bay;

4. Hệ thống cổng, cửa, đường giao thông thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch khẩn nguy sân bay;

5. Thiết kế và sử dụng nguyên vật liệu phù hợp bảo đảm giảm thiểu tối đa hiệu ứng của một vụ nổ hay thiết bị nổ nhằm hạn chế những tổn thất, thiệt hại đối với người, thiết bị của nhà ga, sân bay.

6. Công trình bên trong khu vực hạn chế (sân bay) phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu an ninh sau:

a) Đường vành đai và các đường đi khác phục vụ cho tuần tra;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Hệ thống chiếu sáng và biển cảnh báo;

c) Hệ thống cổng, cửa ra vào dành cho người đi bộ và phương tiện;

d) Vị trí đỗ cách ly cho tàu bay trong tình huống khẩn nguy;

đ) Nơi tập kết (dành cho sơ tán hành khách, hành lý, hàng hoá bưu phẩm, bưu kiện; tập kết các lực lượng tham gia đối phó trong tình huống khẩn nguy);

e) Hầm hoặc khu vực xử lý bom, mìn, vật phẩm nguy hiểm.

7. Công trình trong khu vực hạn chế (nhà ga hành khách) phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Luồng hành khách và hàng hoá đơn giản và rõ ràng;

b) Luồng hành khách và hàng hoá nối chuyến và quá cảnh phải được tách biệt đối với cả nội địa và quốc tế;

c) Hạn chế mở nhiều cửa ở những nơi hành khách có thể ra vào sân bay, các khu vực an ninh hạn chế khác, cửa thông với sân bay phải bảo đảm an toàn;

d) Hệ thống chiếu sáng và biển hướng dẫn, cảnh báo;

đ) Các điểm soi chiếu hành lý ký gửi, hành lý xách tay, hành khách, tổ bay, nhân viên phù hợp với cấu trúc của nhà ga, bảo đảm thuận tiện và an toàn;

e) Các phòng kiểm tra thân thể, hành lý ký gửi, hành lý xách tay phải thuận lợi cho hành khách và việc kiểm tra của nhân viên an ninh;

g) Các phòng kiểm soát tập trung hệ thống giám sát, kiểm tra hành lý ký gửi;

h) Văn phòng hoặc trụ sở của bộ phận an ninh trong nhà ga hoặc liền kề;

i) Khu vực cách ly phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng hoặc khu vực hạn chế khác bằng vật liệu bền vững, ghế ngồi trong khu vực cách ly phải thông thoáng bảo đảm mọi vật phẩm để lại ghế đều bị phát hiện.

8. Ga (kho) hàng hoá phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Hàng rào vành đai kho phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh hàng không theo quy định;

b) Khu vực cách ly (kho) phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng hoặc khu vực hạn chế khác bằng vật liệu bền vững;

c) Tách biệt đối với hàng hoá nội địa, quốc tế, hàng hoá đi và đến;

d) Luồng hàng hoá đi, đến đơn giản và rõ ràng;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đ) Điểm soi chiếu kiểm tra, giám sát an ninh hàng không thuận tiện cho hành khách và kiểm tra của lực lượng an ninh hàng không;

e) Phải đáp ứng các yêu cầu về hệ thống đường giao thông, hệ thống chiếu sáng và biển hướng dẫn, cảnh báo trong khu vực kho thuận tiện cho hoạt động giao dịch và kiểm soát.

9. Công trình hàng không liền kề với sân bay (khu vực hạn chế khác) phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Hàng rào vành đai phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh hàng không theo quy định;

b) Phải được ngăn cách tuyệt đối với khu vực công cộng, khu vực hạn chế của sân bay bằng vật liệu bền vững và hệ thống cửa an toàn, có kiểm soát.

Điều 69. Trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm về bảo đảm an ninh hàng không cảng hàng không, sân bay; kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với toàn bộ người, hành khách, hành lý, hàng hoá, vật phẩm, phương tiện ra, vào cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay; ứng phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay. Công ty an ninh hàng không thực hiện chức năng bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, là bộ phận trực thuộc trực tiếp của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng chương trình an ninh hàng không dân dụng của người khai thác cảng hàng không, sân bay; tổ chức triển khai thực hiện chương trình sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định về bảo đảm an ninh hàng không.

3. Hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay xây dựng chương trình an ninh hàng không dân dụng của hãng hàng không, quy chế an ninh hàng không của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay; tổ chức triển khai chương trình, quy chế sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định về bảo đảm an ninh hàng không.

4. Hãng hàng không ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ an ninh hàng không với người khai thác cảng hàng không, sân bay để kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh trước chuyến bay, bảo đảm an ninh hàng không cho tàu bay đang khai thác, không khai thác đỗ tại cảng hàng không, sân bay.

5. Cục Hàng không Việt Nam ban hành tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an ninh hàng không áp dụng trong ngành hàng không dân dụng; hướng dẫn, điều

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

phối, chỉ đạo trực tiếp công tác bảo đảm an ninh hàng không theo quy định.

Điều 70. Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng

1. Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng thực hiện theo phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng của Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng phương án khẩn nguy đối phó cụ thể, bảo đảm các điều kiện vật chất, thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ, tài liệu, tổ chức huấn luyện đào tạo để thực hiện phương án theo quy định.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Quyết định số 51/2007/QĐ-BGTVT ngày 4/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, cấp giấy chứng nhận và giấy phép kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay và Quyết định số 06/2006/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2006 về việc ban hành quy chế quản lý, khai thác kỹ thuật các phương tiện hoạt động tại khu bay.

Điều 72. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận :
- Như Điều 72;
- Văn phòng Chính phủ ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
- Cơ quan thuộc Chính phủ ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW ;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu VT, KCHT.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục 1
Mẫu giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** Số……/GCNĐK-CHK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY …….. ……..	**TOẠ ĐỘ** ☐ Vĩ độ ☐ Kinh độ	**THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ** ☐ Đang xây dựng ☐ Đã hoàn thành xây dựng

TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:
……
……

MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:
……
……

TIÊU CHUẨN, NĂNG LỰC KHAI THÁC:
……
……
CẤP SÂN BAY: ……

GHI CHÚ:
……
……
……

Ngày, tháng, năm đăng ký vào Sổ: ……../……./…….. **Ngày, tháng, năm cấp:** ……../……./……..	**CỤC TRƯỞNG**

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục 2

Mẫu giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** Số……/GCNKT-CHK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN
KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
Cấp lần đầu: ……
Cấp lần thứ hai: ……..
Cấp lần thứ ba: ……..

TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY …….. ……..	**TOẠ ĐỘ**	
	Vĩ độ ……	**Kinh độ** ……..

TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY:
……
……

MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:
……
……

NĂNG LỰC KHAI THÁC:
……
……
CẤP SÂN BAY: ……

DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:
……

GHI CHÚ:
……
……
……

Ngày, tháng, năm cấp: ……/……/…….. **Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:** ……/……/……..	**CỤC TRƯỞNG**

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục 3

Mẫu giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** Số……/GPCCDV-CHK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
Cấp lần đầu: ……
Cấp lần thứ hai: ……..
Cấp lần thứ ba: ……..

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG:
……
……

SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
……
……
……

CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY NƠI CUNG CẤP DỊCH VỤ:
……
……

LĨNH VỰC DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:
……
……
……

PHẠM VI CUNG CẤP DỊCH VỤ
……
……
……

GHI CHÚ:
……
……
……

Ngày, tháng, năm cấp: ……/……/……..	**CỤC TRƯỞNG**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục 4

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận, giấy phép

TÊN DOANH NGHIỆP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số	*Hà Nội, ngày tháng năm 20..*
V/v: Đề nghị cấp	

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ .....

Căn cứ .....

Công ty ..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấp chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không ...) tại cảng hàng không (sân bay) .....

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị[1]: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận: **GIÁM ĐỐC**

---

[1] Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác
- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục 5

Mẫu đơn đề nghị xác nhận giờ hạ, cất cánh

To: CAAV (Address)

SCR[1]
…/REFER[2]
S11[3]
30OCT[4]
SGN[5]
BTG123 TG124 01DEC29MAR 0200000 188321 BKKBKK1640
2345BKKBKK JJ[6]
SI[7] ALL TIME IN UTC
GI[8]
Chú thích:

1. SCR: Tên điện văn (Slot Clearance Request).

2. …/REFER: Dòng tham chiếu điện văn.

3. S11: Mùa lịch bay của IATA (S: mùa hè, W: mùa đông và hai ký tự cuối cùng của năm).

4. 30OCT: Ngày tháng gửi điện văn (viết tắt 5 ký tự).

5. SGN: Mã hiệu 3 chữ cảng hàng không, sân bay đề nghị xác nhận giờ hạ cất cánh.

6. BTG123 TG124 01DEC29MAR 0200000 188321 BKKBKK0800 1000BKKBKK JJ

* Chữ cái đầu tiên "B": mã hiệu biểu thị yêu cầu của hãng hàng không xin giờ hạ, cất cánh khai thác lần đầu tiên tới cảng hàng không, sân bay được điều phối.

* 10 ký tự tiếp theo "TG123 TG124" chỉ số hiệu chuyến bay đến và/hoặc đi từ cảng hàng không, sân bay được điều phối.

* 10 ký tự tiếp theo "01DEC29MAR" chỉ giai đoạn có hiệu lực của giờ hạ, cất cánh.

* 7 ký tự tiếp theo "0200000" chỉ ngày khai thác trong tuần, ngày không khai thác ký hiệu bằng số 0, khai thác vào ngày nào thì lấy chính số ngày đó với nguyên tắc ngày 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 tương ứng Thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, Chủ Nhật.

* 6 ký tự tiếp theo "188321" chỉ tổng số ghế cung ứng và loại tàu bay khai thác.

* 10 ký tự tiếp theo "BKKBKK0800" chỉ mã hiệu 3 chữ của cảng hàng không, sân bay xuất phát, cảng hàng không, sân bay gần nhất trước cảng hàng không, sân bay được điều phối và thời gian hạ cánh dự kiến tại cảng hàng không, sân

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

bay được điều phối.

* 10 ký tự tiếp theo "1000BKKBKK" chỉ thời gian cất cánh dự kiến tại cảng hàng không, sân bay được điều phối, mã hiệu 3 chữ của cảng hàng không gần nhất tiếp theo cảng hàng không, sân bay được điều phối và cảng hàng không đến.

* 2 ký tự tiếp theo "JJ" chỉ loại hình chuyến bay (JJ: hành khách, FF: hàng hoá).

7. SI: Thông tin bổ sung

8. GI: Thông tin chung

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn